Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

***

Vúc vắc

Vúc vắc : ngoảnh bên này bên kia
(*vúc vắc* cái mặt, ngó *vúc vắc*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"lợn: lợn *nòi*, lợn nái, lợn rừng…". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Mục này có 2 điểm cần trao đổi:
- Nếu viết "*lợn nòi*" thay vì "lợn *lòi*" là sai. Vì "lòi" trong "lợn lòi" nghĩa là *thòi, lòi* ra, chỉ giống lợn *nanh lòi, chìa* ra ngoài.

Gọi "lợn lòi" cũng như dân gian gọi "cá thòi lòi", chỉ giống cá có đôi mắt "thòi", "lòi" hẳn ra ngoài như mắt cua. Điều quan trọng hơn, xưa nay không có từ điển chính tả nào viết "*lợn nòi*" để chỉ giống lợn rừng (lưu ý: mục "lợn", không thấy Từ điển của GS. TS. Nguyễn Văn Khang thu thập "lợn lòi").

- Nếu "*lợn nòi*" được hiểu như "gà nòi", "ngựa nòi", thì khái niệm này cũng hoàn toàn xa lạ. Người ta không gọi một con lợn thịt ngon là "lợn nòi", nhưng sẽ gọi con *gà chọi, ngựa đua, chó săn*…là *gà nòi, ngựa nòi, chó nòi*…. Vì "*nòi*" ở đây là chỉ đặc tính di truyền, tố chất vượt trội nào đó.

(Hòang Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Cái o: *cái họng con heo*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"rắn: rắn *dọc dừa".*
*"*rắn: rắn *dọc* dưa" (Gs Nguyễn Văn Khang)

Không có loại rắn nào gọi là "*dọc dừa*", hay "*dọc dưa*", mà chỉ có "rắn *sọc dưa*", còn gọi *rắn rồng* hay *rắn hổ ngựa* (tên khoa học:*Coelognathus radiata*). Sở dĩ gọi là "rắn sọc dưa" vì rắn có sọc chạy dọc theo thân mình, giống như sọc của quả dưa

(Hòang Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

O : *cô*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"rắt//đái *rắt*. → không viết: *dắt*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "đái dắt" mới chuẩn: "đái dắt [bệnh] đái liên tục nhiều lần, mỗi lần đều đái rất ít.

(Hòang Tuấn Công)

Chữ là nghĩa

Câu: "Vênh váo như khố rợ phải lấm" bị biến thành *"Vênh váo như bố vợ phải đấm"* thì biến nghĩa một cách hoàn toàn. Ngày xưa người dân quê thường đóng khố bằng vải rợ (vải dệt thô). Khi đi lội ruộng, bùn lấm lem vào. Lúc khô bùn cứng lại vênh bên nọ vẹo bên kia, hở hang cơ thể, thành trò cười nên mới có câu đó.

(Tự điển thành ngữ)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Những gương mặt tiêu biểu

Người giữ chức vụ chủ tịch Văn Bút sau nhà văn Đỗ Đức Thu và nhà văn Nhất Linh là *nhà thơ Vũ Hoàng Chương*.

Ông luôn luôn luôn mặc chiếc áo dài ta mầu đen, hoặc áo choàng kiểu tu sĩ mầu nâu. Vào mùa hạ, khi đi họp ông còn phe phẩy cái quạt giấy nom rất là… đạo sĩ. Thân hình ông ẻo lả, nước da xanh xao. Ông có một cử chỉ rất duyên dáng là khi ngồi trước cử tọa để diễn thuyết, mỗi khi mở một trang giấy ở trước mặt thì ông lại *thè lưỡi liếm bàn tay trước khi mở giấy*. Riêng nhà thi sĩ thì chơi *nguyên cả bàn tay* khiến khán giả vừa thích thú vừa cười bò. Thi sĩ rất siêng năng đi họp. Ông ngồi đấy nhìn những đàn em với cặp mắt hiền từ, bao dung như sẵn sàng chia sẻ với mọi người trong các vấn đề đang bàn thảo.

***

Suốt thời gian ở Văn Bút trước 1975, nghĩ đến ông bao giờ chúng tôi cũng có những hình ảnh êm đềm, tốt đẹp chỉ đến khi có biến cố 30-4-1975 thì mới thêm những ý nghĩ chua xót ngậm ngùi qua lời kể về ông của nhà văn Mai Thảo như sau:

"Khi nhóm nhà văn nhà thơ tiền chiến theo đảng đã đủ mặt ở Sài Gòn, họ đến gặp Lê Tràng Kiều, Bàng Bá Lân, Quách Tấn…, mà không một ai chịu tới thăm nữ sĩ Mộng Tuyết ở Úc Viên biệt thự khiến Mộng Tuyết rất đỗi lo sợ. Nữ sĩ hốt hoảng đi tìm *hai người viết nằm vùng là Sơn Nam và Vũ Hạnh* để tìm hiểu lý do.
Bà than:
– Năm 1934, tôi đã được giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Các anh Xuân Diệu, Thế Lữ bao nhiêu năm vẫn giao du với tôi và Đông Hồ rất thân thiết. Tôi lại chỉ làm thơ vịnh hoa, vịnh trăng, không chống cộng, chống cách mạng. Nay các anh ấy vào, đi thăm hết cả mà không một ai đến tôi là làm sao? Tôi có tội phải cho tôi biết chứ!
Vũ Hạnh lắc đầu:
– Chị được coi là không có tội. Các đồng chí không tới thăm chị chỉ vì Vũ Hoàng Chương hiện đang ở nhà chị đó.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn sáng phở gà Nguyệt - Phủ Doãn

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"riếc: *riếc* móc → không viết: *diếc*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "nhiếc" mới chuẩn, *nhiếc móc*

(Hòang Tuấn Công)

Nhìn lại một số tạp chí miền Nam

Tạp chí Bách Khoa ra đời vào năm 1957. Ảnh hưởng rõ rệt lưu lại nơi người đọc có thể chỉ là ảnh hưởng của từng cá nhân cộng tác viên như Nguyễn Hiến Lê, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đỉnh, Võ Phiến... do viết tương đối đều đặn nhưng thể loại bài vở hoàn toàn khác biệt.

Một nguyên do giúp cho tờ báo đạt thành quả trên là không khí sinh hoạt tự do của miền Nam. Chính điều này đã giúp tạp chí Bách Khoa quy tụ được một tập thể cộng tác viên khác nhau về đủ thứ, bất luận trẻ già, mới cũ, duy tâm, duy vật, Phật giáo, Công giáo, tả phái, hữu phái... ngồi lại với nhau trong hòa đồng và cởi mở. Vũ Hạnh, Lý Chánh Trung với Võ Phiến, Đoàn Thêm, Phan Văn Tạo bên cạnh Thích Nhất Hạnh với Thanh Lãng... như cây bút có mặt nhiều năm trên tờ báo là Võ Phiến trong tácp hẩm *Tổng Quan Văn Học Miền Nam:* "Về mặt chính tri, súc dung hoà của nó khiến có lần Nguyên Sa nói đùa: Bách Khoa là *một vùng xôi đậu*. Nó đón nhận cả Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Vũ Hạnh lẫn Võ Phiến, Vũ Bảo..."

Tạp chí Bách Khoa ra đời do sáng kiến của *Huỳnh Văn Lang*, Lê Thành Cường, Đỗ Trọng Chu là các sáng lập viên hệ thống trường *Bách Khoa Bình Dân* đang hoạt động tại Sài Gòn lúc đó. Tờ báo do Huỳnh Văn Lang đứng tên chủ nhiệm, Hoàng Minh Tuynh là chủ bút và quản lý là Lê Ngộ Châu. Theo đúng nguyên tắc trên thì điều hành tạp chí Bách Khoa phải là Huỳnh Văn Lang và Hoàng Minh Tuynh với các vai trò chủ nhiệm, chủ bút. Nhưng với rất nhiều người, kể cả các cộng tác viên của tờ báo, thì *thực sự điều hành tạp chí Bách Khoa là Lê Ngộ Châu.*

(Hai mươi năm miền Nam 1955-1975 - Nguyễn Văn Lục)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Cưới vợ thì cưới liền tay.
Chớ để lâu ngày thành vợ người ta.

Chữ nghĩa làng văn

(…) Sau cải tạo, nhớ dạo "nín thở qua sông", tôi (Phan Lạc Phúc) sống như cỏ cây trong một khu vườn ở Lái Thiêu. Thỉnh thoảng có bạn đi xe đò lên thăm. Một hôm ông Cung Trầm Tưởng lên chơi. Chúng tôi ngồi dưới gốc chôm chôm, chuyện phiếm.

Ông Cung Trầm Tưởng lai rai đọc thơ Quang Dũng, bài *Đôi mắt người Sơn Tây*: "Vừng trán em vương trời quê hương - Mắt em dìu dịu buồn Tây Phương". Nhà thơ tác giả *Tiễn em* vốn ngày xưa học ở bên Tây, chợt nghiêng đầu hỏi: "Sao lại buồn Tây Phương, sao lại có beauté grecque (vẻ đẹp Hy Lạp) ở đây kìa". Tôi trả lời: "Tây Phương là chùa Tây Phương ở Sơn Tây quả có một vẻ đẹp đến từ Tây Phương thật" (…)

Nhưng theo *Sơn Tây danh thắng tích bị khảo*, chùa tên Sùng Phúc Tự. Truyền tích chùa là nơi người Tàu dấu cổ vật. Cuối thời Tây Sơn, Phan Huy Ích cho người trùng tu chùa, để lại câu thơ:
"Tục truyền Bắc quốc đan thanh cổ
Cảnh chiếm *Tây phương* thảo thụ u".

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Cô kia má đỏ hồng hồng.
Dừng chân anh hỏi có chồng hay chưa.
Có chồng năm ngoái năm xưa.
Chẳng may chồng bỏ nên chưa có chồng.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ngọc Thứ Lang với chữ nghĩa

Tôi đọc *Bố Già* của Ngọc Thứ Lang và cuốn sách đã lôi cuốn tôi mạnh mẽ. Thời gian đó tôi đang thực hiện cho Văn một loạt bài phỏng vấn các nhà văn dưới mục *Nhà Văn Ở Phút Nói Thật*. Sau khi gặp Ngọc Thứ Lang và đọc bản dịch cuốn Bố Già, tôi nói với chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng là tôi muốn phỏng vấn Ngọc Thứ Lang. Thế nhưng, thời gian đó có quá nhiều việc phải làm nên tôi quên bẵng chuyện đi tìm Ngọc Thứ Lang để hỏi tại sao anh chọn dịch *The Godfather* của Mario Puzo và do đâu anh *nắm bắt được cái ngôn ngữ kỳ lạ của thế giới mafia ở Mỹ* như thế.

Năm 1999, đầu tháng Bảy, bước chân vào toà soạn tôi đọc thấy trên bàn tờ Mercury News bản tin *tác giảThe Godfather đã qua đời*, ai đó đã dùng bút đỏ khoanh lại. Tôi nhớ lại hình ảnh người đàn ông gầy gò, chiếc sơ mi màu cháo lòng, hai tay áo dài thòng che lấp hai bàn tay, một buổi sáng nào đã bước vào toà soạn tạp chí Văn trên đường Phạm Ngũ Lão.

Bây giờ anh ấy ở đâu, người dịch giả tài năng ấy? Nhà văn Hoàng Hải Thủy cho biết Ngọc Thứ Lang đã mất năm 1979 trước ngày ra đi của Mario Puzo 20 năm. Sau 1979, hai nhà xuất bản ở Việt Nam giành nhau in lại bản dịch *Bố Già* của anh.
"Mario Puzo, tác giả *The Godfather*, tiểu thuyết best-seller từng bán đến 21 triệu quyển, qua đời ở nhà riêng tại Bay Shore, New York, ngày Một tháng Bảy 1999, *thọ 78 tuổi, có năm con, chín cháu. Ngọc Thứ Lang, dịch giả Bố Già, qua đời ở trại Lao Cải Phú Khánh năm 1979, chưa đầy 50 tuổi, không vợ, không con*.".

(Nguyễn Xuân Hòang)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Không giàu thì phải đẹp trai.
Không thông kinh sử thì mai em xù.

Thuở mơ làm văn sĩ

Bọn chúng tôi tâm đắc với bài phở của nhà văn Nguyễn Tuân viết trong *Nhân văn Giai phẩm* của nhà văn Phan Khôi chủ trương, từ miền Bắc lọt vào Nam và được in lại phổ biến rộng rãi.

Giai phẩm đó phản ảnh đời sống Hà Nội sau khi Hà Nội tiếp thu khi chia đôi đất nước....có thể đó cũng là chủ trương tuyên truyền của chính phủ miền Nam thuở đó. Những bài viết của Phan Khôi, những truyện ngắn, những bài thơ của Trần Dần. Phùng Quán, Văn Cao và còn nhiều cây bút khác. Thực tình mà nói tôi nghĩ những vă nngệ ấy vô cùng dũng cảm, xứng đáng với nghiệp cầm bút của mình. không ai bắt buộc chúng tôi phải học tập mà tự mình phân tích rồi không quên được những câu thơ: *Tôi bước đi không thấy phố thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*...Hoặc bài viết của Phan Khôi "Ông Năm Chuột".

Hay bài gì đó viết về loại cỏ mà người ta đặt tên là cỏ đuôi chó.

(Nguyễn Thụy Long)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Bây giờ mận lại hỏi đào.
Vường hồng còn có ai vào nữa không?
Mận hỏi đào xin tỏ lòng.
Vườn hồng vắng chủ khách vòng cổng sau.

Những ca từ khó hiểu trong nhạc Trịnh Công Sơn

Nghe những tàn phai

Chắc hẳn là ai cũng đã từng nghe "tụi trẻ" ngày nay thường viết trên facebook: *Cuộc đời là những chuyến đi…* khi nhắc về các chuyến du lịch bụi. Không biết câu này xuất phát từ đâu, nhưng có lẽ những người yêu nhạc Trịnh sẽ thấy quen, vì nó rất giống với một câu trong bài *Nghe những tàn phai*:
Chiều nay em ra phố về
Thấy *đời mình là những chuyến xe*…

Có ai giải thích được cặn kẽ ý nghĩa của bài hát này?

Chiều nay em ra phố về
Thấy đời mình là những đám đông
Người chia tay nhau cuối đường
Ngày đi đêm tới trăm tiếng hư không.
(…)
Chiều nay em ra phố về
Thấy đời mình là những quán không
Bàn in hơi bên ghế ngồi
Ngày đi đêm tới đã vắng bóng người.

Nguyên bài là những lời lẽ có vẻ mông lung, như là không nhắc đến một điều gì cụ thể, giống như là tác giả đang nói về những chiêm nghiệm nào đó về cuộc đời? Không phải vậy, thật ra bài hát này được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn viết về một đối tượng cụ thể: Nhân vật chính là *một cô gái làng chơi.*

Điều đó được ca sĩ Khánh Ly thừa nhận, bà đã được Trịnh Công Sơn giải thích ý nghĩa của bài này khi tập cho bà hát.
Đó là một cô gái giang hồ đã hết thời, với những bước chân trở về nhà trong đêm sau một ngày rã rời. Cô gái đôi khi thấy *đời mình là chuyến xe…* rồi rốt cuộc chỉ là tiếng hư không, vắng bóng người trong một đời người đã quá ê chề. Từ một câu hát trong bài hát về cô gái điếm, giới trẻ biến thành một câu nói có vẻ rất ngầu:
Cuộc đời là những chuyến đi…

(Đông Kha)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Vạn sự khởi đầu nan.
Gian nan bắt đầu nản.

Giai thoại xóm chữ làng văn

Ký ức gặp cụ Nguyễn Văn Tố năm 1947

Tôi tản cư đến Thụt. Những ngày tốt trời, tôi đi vào các làng người Thổ, người Mán chơi, nhân thể khảo cứu về nhân sinh địa-lý. Một hôm khoảng tháng tư, tháng năm, năm 1946, ông chủ nhà trọ có cho tôi biết là có cụ Nguyễn-văn-Tố qua đây và ngủ lại đêm ở nhà thôn trưởng.

Sau đấy tôi tìm gặp cụ, cả hai gồi dưới gốc cây đa cổ thụ, nhìn nước sông Lô đỏ ngầu những phù sa, cuồn cuộn chảy xuôi. Nghe tiếng thác ầm ầm gần đấy, nhìn lên thượng nguồn thấy núi non trùng trùng điệp điệp. Trên trời lơ lửng mây đen mây trắng, hai chúng tôi, một già một trẻ ngồi lặng yên suy nghĩ.
Hồi lâu, tôi lên tiếng:
– Ý kiến cụ về cuộc kháng chiến này của ta như thế nào ?
– Ấy, tôi cũng định hỏi ý kiến của ông.

(cụ Nguyễn Văn Tố)

Chúng tôi lại ngồi im, mãi lúc sau cụ mới nói:
– Cuộc kháng chiến này sẽ kéo dài lâu lắm vì thực dân Pháp ngu. Dân ta sẽ khốn khổ với chúng, nhưng chúng sẽ không tái lập được cuộc đô hộ đâu. Nước họ đã kiệt quệ vì chiến tranh với Đức, họ sẽ chết vì chiến tranh ở thuộc địa. Rồi ông xem, nước Pháp sẽ tụt xuống hàng nước Y-Pha-Nho, Á-châu sẽ mạnh. Trung-Hoa và

Ấn-Độ sẽ phục hưng một cách nhanh chóng.
– Thế còn Nhật?
– Nhật sẽ phục hưng được nhưng không một dân tộc Á châu nào ưa họ đâu. Họ thâm độc lắm.
– Còn nước ta ?
– Ấy, quan tha thời ma bắt, chúng ta sẽ độc lập bề ngoài mà thôi. Quốc tế sẽ công nhận sự độc lập ấy. *Nhưng trong nước sẽ lục đục, có thể bị chia đôi*. Ông có nhớ mấy khoản của hiệp ước Postdam không? Gây ra Nam Bắc phân tranh mới rầy đấy. *Nước nhà sẽ kiệt quệ, người Việt sẽ giết người Việt như ngóe ấy*. Chỉ khổ cho lũ trẻ mà thôi. Lắm lúc tôi nghĩ buồn lắm. Suốt đời ăn hại. Chẳng biết chết rồi (1), về gặp ông bà ông vải, tôi biết ăn nói làm sao với các cụ?
Nhưng thôi, nghĩ vẩn nghĩ vơ làm gì. Đời tôi thời bỏ đi rồi. Ông còn trẻ, cố mà sống. Ông sẽ có ngày được nhìn thấy đất nước tươi đẹp. Nhưng tôi cũng khuyên ông mấy câu. Đừng sợ khủng bố, chớ ham danh lợi, phụng sự nước đi. Nếu không phụng sự được nước vì bất tài thời phụng sự văn học. Ông có một căn bản văn-hóa*, bỏ đi không những là phí mà lại có tội, có tội với ông. Thôi, anh em chúng ta về. “

(Cố học giả Nguyễn Thiệu Lâu)

(1) Tuần sau, cụ Nguyễn Văn Tố bị Pháp bắt và bắn ở bìa rừng bản Nà Pèn, Việt Bắc.

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…”quởn”

Đi Serein Cafe - 16 Trần Nhật Duật để ngắm cầu Long Biên lúc hoàng hôn

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Đường văn ngõ chữ

Nhà thơ Văn Cao, Phùng Quán, lần gặp mặt - 1

Sau tháng Tư 1975, tôi (Cung Tích Biền) có dịp gặp gỡ các văn nghệ sĩ từ miền Bắc vào Nam. Những cuộc “gặp” lẫn “gỡ” này, *cái đinh đóng vô đầu*: vui ít buồn nhiều. Vui, là gặp được những người mình từ lâu mong đợi gặp, Lại khá bàng hoàng khi đụng phải những nhà văn nhà thơ từng là các tác gia được “vang bóng một thời”, nay trở thành những cán bộ: “nói mãi không thôi…”.

Nhớ, hôm gặp nhạc sĩ Văn Cao trong một đêm nhạc Sài Gòn chào mừng ông. Ông sinh năm 1923, lúc chúng tôi gặp ông, ông chỉ vừa độ tuổi 60, nhưng quá gầy yếu, mái tóc đã trắng phau, lưng còng, trông như một cụ già gần chín mươi tuổi. Ông rất vui, lại đầy nước mắt, khi nghe-nhạc-của-mình-được-hát, khi được trao những bó hoa với đầy lòng thương yêu và kính trọng của người Sài Gòn.

(Cung Tích Biền)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Ví dầu cầu ván đóng đinh.
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi.
Khó đi anh dắt em đi.
Em đi không được anh đi…một mình.

Đường văn ngõ chữ

Nhà thơ Văn Cao, Phùng Quán, lần gặp mặt - 2

Lại gặp quý ông *Phùng Quán*, Hoàng Cầm, Đoàn Phú Tứ tác giả Màu Thời Gian... mỗi ấm áp, cùng uống cốc cà phê, nghe chuyện. Hóa ra, quý vị ấy rất "giàu chuyện", tuy dài dặt cuộc đời bị quản chế tư tưởng, cơ cực về đời sống, gian lao trong hành xử một xã hội bị bao vây, tưởng đã "hết chuyện".

Nhà thơ Phùng Quán gầy ốm nhưng khí lực chừng rất mạnh mẽ. Ông rất trân quý những gì là tài sản văn hóa, trí tuệ, tinh thần của miền Nam. Nhưng ông có cái thói quen gần như một quán tính, lúc ngồi trò chuyện ông thỉnh thoảng đảo mắt nhìn quanh, lo lắng. "Chừng như sau lưng, hay bàn kế cạnh có ai đó theo dỏi lời nói, tư tưởng, hành tung của mình".

Phùng Quán, ông lớn hơn tôi bốn tuổi. Tôi đã thuộc nằm lòng bài thơ Lời Mẹ Dặn của ông từ 1960, khi thơ văn của Nhân văn Giai phẩm được phổ biến rộng rãi tại miền Nam:
"Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá".

Và, lúc đối diện ông tôi cũng liên tưởng, ngỡ ra nỗi lòng đau, qua lời thơ của nhà thơ Trần Dần:
"Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Đất hôm nay tầm tã mưa phùn
Bỗng nhói ngang lưng
Máu rỏ xuống bùn
Lưng tôi có tên nào chém trộm"

(Cung Tích Biền)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Chồng giận thì vợ bớt lời.
Vợ giận, chồng đập tơi bời à nghe.

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Nam Cao, Thế Lữ, Kim Lân

Nhà văn Nam Cao, cha đẻ của Thị Nở, Chí Phèo, từng phụ trách báo Cứu Quốc, mất năm 1951 trên đường công tác thuế nông nghiệp ở khu III. Giả dụ ông còn sống như các nhà văn cùng thời khác, *không hiểu có còn đứng vững trong cơn "tai biến" "Nhân văn Giai phẩm"* như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài… không? Xuân Sách viết về ông đầy ưu ái:
"Em còn đôi mắt ngây thơ
Sống mòn mà vẫn đợi chờ tương lai
Thương cho thị Nở ngày nay
Kiếm không đủ rượu làm say Chí Phèo" (1)

(1) xem *Nguyên mẫu của nhân vật Thị Nở* của Nam Cao ở khúc sau.

Nhà thơ, kịch tác gia Thế Lữ, tác giả của "Mấy vần thơ" (1935) trong có những bài nổi tiếng: Nhớ rừng, Tiếng trúc tuyệt vời, Tiếng sáo Thiên Thai, và Giây phút chạnh lòng. Năm 1936, hoạt động kịch với ban kịch Tinh Hoa, ban kịch Thế Lữ. Sau năm 1947, ông tham gia kháng chiến, năm

1957 được bầu làm chủ tịch hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, *hầu như không viết gì*.
Xuân Sách tiếc cho ông đã quá sớm…"về vườn bách thú":
"Với tiếng sáo Thiên Thai dìu dặt
Mở ra dòng thơ mới cho đời
Bỏ rừng già về vườn bách thú
Con hổ buồn lặng lẽ trút tàn hơi "

Trong các nhà văn "tiền chiến" đi theo cách mạng, người bị Xuân Sách "giễu cợt sâu cay" nhất có lẽ là nhà văn Kim Lân. Trước cách mạng, từ năm 1941, Kim Lân đã nổi tiếng về truyện ngắn "Vợ nhặt". Ông viết không nhiều, sau cách mạng ông viết "*Làng*" về *nông thôn thời kháng chiến chống Pháp*, tuy nhiên, hai truyện "Ông lão hàng xóm" (1955) và "Con chó xấu xí" (1962) bị phê phán *phi hiện thực* xã hội chủ nghĩa.
"Nên danh nên giá ở làng
Chết vì ông lão bên hàng xóm kia
Làm thân con chó xá gì
Phận đành xấu xí cũng vì miếng ăn."

(Nhật Tuấn)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Bạn ơi ngồi nhích lại giùm.
Tuy rằng khác lớp nhưng chung một trường.

171 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nguyên mẫu của nhân vật Thị Nở

Hồi ấy, ở làng Đại Hoàng có *cô Trần Thị Nở*, con ông Phó Kính - ông này làm nghề đóng cối xay nên gọi là phó. Thị Nở xấu xí, tính dở hơi, rất hay cười nên ông mới đặt tên là Trần Thị Nở.
Câu chuyện về nguyên mẫu nhân vật Thị Nở được ông Trần Khang Hộ, người làng Đại Hoàng, Lý Nhân, Hà Nam, *bạn học thuở nhỏ* của nhà văn Nam Cao, kể lại.

Thị Nở chỉ biết làm việc vặt trong nhà và nhặt cỏ vườn, tính thị dở hơi, sờ vào việc gì được một lúc là lăn ra ngủ, bất kể là đâu, từ chân đống rạ, gốc chuối đến bờ ao…Có lần bà ngoại nhà văn Nam Cao (bà Vân) sai thị đi kín nước, mãi không thấy thị về, cho người đi tìm, thì ra thị đang ngủ ở gốc chuối. Ông bố chồng của thị (ông Quản Dung) thường rày la thị về tội để cơm sống, cơm khê. Những khi ấy, Thị Nở vênh mặt lên cãi lại bố chồng: "Sống đâu mà sống, chỉ hơi sường sượng thôi mà!".

Tuy thị xấu và dở hơi như vậy nhưng thị vẫn có chồng. Chồng thị là anh Đào. Anh này cùng cảnh làm thuê như Thị Nở. Nhà nghèo lắm, phải mua chức trùm. Thị Nở có ý vênh vang ra phết. Anh chồng thì nai lưng ra làm để giả nợ. Khi đã có gia đình rồi, Thị Nở vẫn còn làm thuê cho bà ngoại Nam Cao.
Nhà văn Nam Cao gọi *Thị Nở là dì.*

Chuyện Thị Nở ở làng Đại Hoàng là có thật. Nhưng với tài hư cấu của nhà văn, ông đã cho ra đời một Thị Nở có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam. Nhờ có Thị Nở mà "Chí Phèo" mới nổi tiếng, mới sống mãi trong lòng người đọc. Cũng nhờ có Thị Nở và Chí Phèo mà tên tuổi nhà văn Nam Cao đã tỏa sáng trên bầu trời văn học.

(Trần Văn Đô – Chuyện làng văn)

Chữ nghĩa làng văn

Truyện *Trầu cau* của Trần Thế Pháp nằm trong sách *Lĩnh Nam chích quái*, được biên soạn vào khoảng năm 1370 – 1400 (1). Một thế kỉ sau, năm 1492 và 1493, sách *bị* Vũ Quỳnh và Kiều Phú nhuận sắc. Chưa hết. Từ miếng trầu là đầu câu chuyện sinh ra những chuyện sau đây…

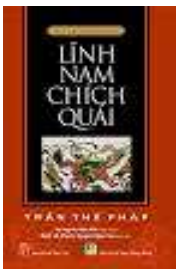

Truyện Trầu cau của Trần Thế Pháp tóm tắt như sau: "Đời thượng cổ có một chàng tên là *Quang Lang*, trạng mạo cao lớn. Quốc vương cho họ là *Cao*. Cao sinh được hai người con trai, đặt tên là *Tân* và *Lang*. Lớn lên, Tân, Lang theo học đạo sĩ họ *Lưu*. Nhà họ Lưu có người con gái muốn lấy chồng, được cha mẹ gả cho người anh.

Từ ngày có vợ người anh đối xử với em không còn được thân tình như trước. Một hôm, người em buồn tủi, bỏ nhà ra đi. Gặp con suối lớn không qua được. Người em vừa mệt vừa đói, chết hóa thành một *cái cây cao* không cành. Người anh đi tìm em. Đi đến bờ suối, thương nhớ em, chết hóa thành một *tảng đá* bao quanh gốc cây. Người vợ đi tìm chồng cũng đến bờ suối, chết hóa thành một sợi *dây leo* vấn vít trên tảng đá.

Một hôm vua Hùng Vương đi tuần hành, nghỉ chân bên bờ suối, được biết truyện. Vua bảo cận thần hái một trái cây, ngắt một lá dây leo, nhai thử thấy vị ngon, nhổ lên tảng đá thì thấy sắc đỏ tươi. Vua bèn sai người lấy 3 thứ ấy về, dạy dân lấy lửa nung đá cho xốp, cùng với trái cây, lá dây leo, cuộn chung lại mà ăn.
Nước Nam có tục *ăn trầu cau* từ đó" (1).

(Nguyễn Dư)

(1) Lê Hữu Mục, *Lĩnh Nam chích quái,* Khai Trí, 1961, tr. 50.

Góp nhặt sỏi đá

Ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vẫn còn giữ tập tục từ cả ngàn năm về trước: *Người chết được chôn theo thế ngồi xổm, họ bị trói trong tư thế này trước khi đem đi chôn*

Đó là tập tục mai táng xưa, thể hiện hai mặt với người chết:
Mặt thứ nhất vì sợ người chết hiện hồn về quấy phá nên trước khi chôn phải trói lại. Khi khâm liệm, bao giờ người ta cũng lấy một miếng vải liệm, xé ra làm dây để buộc hai ngón chân cáivà hai ngón tay cái của người chết.

Mặt thứ hai là thương nhớ người chết nên không lỡ chôn ở xa, *chôn ngay trong vườn.*

Hình ảnh cũ: Cái chạn trong miền ký ức
(Cái "gạc-măng-giê)

Bây giờ, cá thịt đầy mâm mà sao vẫn không cảm được cái sự *"ngon miệng"* của thời ấy. Bạn bè bảo nhau : *"Có lẽ ngày xưa khốn khó, nên ăn gì cũng thấy ngon".*

Tầng giữa chạn chuyên để úp bát đĩa. Mẹ dặn anh em tôi rửa bát phải nhớ úp nghiêng cho ráo nước. Bát đĩa chả nhiều nhặn gì, chỉ là vài cái bát ăn cơm bằng *sứ Hải Dương*, canh thường được múc vào *bát chiết yêu* có cái miệng loe rộng, thêm vài cái đĩa, thế thôi.

Các loại đũa, thìa, muôi được cắm vào một cái *"rọ tre cật"* nâu bóng buộc ở bên cạnh chạn. Có lần, đang đêm, con mèo mải đuổi chuột lao vào ngăn để bát đĩa làm vỡ choang vài cái. Cả nhà bật dậy vì cứ tưởng có trộm.
Mẹ thường úp xoong nồi, chảo, chày, cối... ở ngăn dưới cùng của chạn. Ngày ấy, đây cũng là chỗ để cất *hũ dưa cà, âu mẻ, lọ muối hạt,* chai nước mắm. Ngoài ra, những đồ khô như tý miến, nắm lạc sống, hành, tỏi, hạt tiêu... trăm thứ bà rằn được để *trong chiếc bị cói, treo lủng lẳng bên cạnh chạn* để tiện lấy khi nấu ăn.

(Vy Anh)

Đại hạ

Một ông phú hộ làm ngôi nhà mới, mở tiệc ăn mừng. Yên Đổ cho hai chữ *Đại hạ*
Đại hạ là nhà to. Nhưng thay vì viết *hạ là nhà*, cụ lại viết chữ *hạ là mùa hè*, mùa hè to là nghĩa gì?

Sau cụ mới giải thích cho người thân:
Đại hạ là hè to, hè to lái lại là tò he: tò he tí hỏi, hỏi ra là tiếng kèn đám ma

Hóa ra ông phú hộ này xưa kia quả có làm nghề thợ kèn ...

(Chơi chữ - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc)

Văn hoá nhậu
Rượu trong văn học

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ (cầm, kỳ, thi, tửu)... Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhuốm mùi men rượu là thế.

Nguyễn Khuyến thường mượn rượu nói dùm mình:
"Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu giốc
"Chữ dại đầu năm sổ túi ra.
(Xuân hứng)

"Khi buồn chén rượu say không biết
"Ngửa mặt lờ mờ ngọn núi xa
(Túy cảm)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Chữ nghĩa đường văn ngõ chữ
Một số *từ ngữ cổ* hiện nay vẫn còn dùng

Trong từ *'chợ búa'* thì *'búa'* có nghĩa là gì?

'Búa' trong 'chợ búa' chắc chắn không liên quan đến cái búa rồi. Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng ý kiến được xem là vững chắc nhất thì cho rằng 'búa' là âm xưa của chữ [铺], âm Hán Việt hiện đại là của chữ này là *'phố'*, nghĩa là *cửa hàng*, là nơi buôn bán. Chợ búa nói chung là *nơi người ta tụ tập mua bán*.

‘Búa’ trong tiếng Việt hiện đại đã dần mất nghĩa và không dùng độc lập, nhưng nếu nói nó vô nghĩa thì không đúng. Tiếng Việt có rất nhiều từ cổ bị mất nghĩa khi đứng một mình, nhưng chúng không vô nghĩa.

(Nguyễn Lương Thịnh)

Qua với bậu

Chữ “bậu” có nghĩa là "bạn, là em" cả khi nói với người con trai, và cũng có nghĩa "em" trong nghĩa "vợ", trong quan hệ vợ chồng. Như trong Truyện Lục Vân Tiên, Lý Thông nói với Thạch Sanh khi gặp nhau lần đầu tiên, thấy Thạch Sanh trẻ tuổi hơn mình :
Chẳng hay *chú bậu* (chú em) ở đâu
Áo quần chẳng có dãi dầu khá thương

Thường người ta hiểu lầm là tiếng bậu chỉ dùng để chỉ đàn bà, con gái . Như trong bài hát dân gian châm biếm, trêu chọc người con gái lớn tuổi mà còn ế chồng:
Ống tre khô người ta còn chuộng
Bậu lỡ thời như ruộng bỏ hoang
Ruộng bỏ hoang người ta còn cấy
Bậu lỡ thời như giấy trôi sông
Giấy trôi sông người ta còn vớt
Bậu lỡ thời như ớt chín cây

(Nguyễn thị Cỏ May)

Thành ngữ tục ngữ sai

Vắng trẻ quạnh nhà, vắng đàn bà quạnh bếp
Không có trẻ con nhà hiu quạnh, không có đàn bà bếp lạnh tanh. Ý nói tình cảm gia đình phải có đông đủ già trẻ, trai, gái mới vui.

Tuy nhiên nghĩa bóng câu này nhằm đề cao vai trò người phụ nữ trong gia đình. Họ không chỉ là người giữ lửa trong căn bếp mà còn giữ cho không khí gia đình luôn nồng ấm.
Giải thích *“phải có đông đủ già trẻ, trai, gái mới vui”,* e rằng chung chung quá.

(Hoàng Tuấn Công)

Vực

Vực : giúp đỡ
(*vực* lên ngựa)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

“rò: *rò* lan. → không viết: *dò, giò*”. (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết “*dò*” mới đúng. *dò phong lan ~ dò thuỷ tiên”*.

(Hòang Tuấn Công)

Nõ

nõ : bộ phận sinh dục của phái nữ
(cái *nõ* nường)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"rỏ = nhỏ *rãi*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "nhỏ *dãi*" mới đúng. "*Về đến nhà, con bé khóc hết hơi.*
Con lớn thì lem luốc, mũi dãi (…) bôi đầy mặt." (Nam Cao)".

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Quan: *cái hòm* chôn người chết
Quàn: để *quan cửu* lại một *ít lâu, chưa chôn*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"ròm: ống r*òm*. → không viết: *dòm*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết chuẩn là "*nhòm*". "ống nhòm dụng cụ quang học dùng để quan sát
những vật ở xa. *quan sát bằng ống nhòm* - ống dòm".

(Hoàng Tuấn Công)

Tự điển thành ngữ

Câu "*bám* anh em xa, mua láng giềng gần" là cách nghĩ và ứng xử mối quan hệ nhân văn trong nhà ngoài ngõ bị biến thành: "*bán* anh em xa? Mua láng giềng gần".
"Bám" biến thành "bán", thì quả là sai một li, đi một dặm, chỉ vì nghĩ chữ *"bán"* đối với chữ *"mua".*

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"ron: con *ron*. → không viết: *don*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "don" mới đúng. *Loài hến nhỏ, sống ven biển*".

(Hoàng Tuấn Công)

Qua với bậu

Theo Giáo sư Hán nôm Nguyễn Văn Sâm chữ *qua* là tiếng biến âm từ tiếng *quá* (hóa) giọng Triều Châu của chữ *ngã* 我 (tôi).

Dùng tiếng "tôi" bình thường, thấy không thân mật, nên người ta dùng tiếng *qua*.

(Nguyễn thị Cỏ May)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Những gương mặt tiêu biểu

Lần chót tôi (Mai Thảo) tới Gác Mây, nhà của Mộng Tuyết, Vũ Hoàng Chương thuật lại nguyên nhân trường hợp Mộng Tuyết bị tẩy chay cho tôi nghe. Ông nói:
– Tao không trách Mộng Tuyết. Chẳng thể bình tĩnh thản nhiên như mình được. Vợ Đinh Hùng lên nhiều lần, lần nào cũng khẩn khoản mời vợ chồng tao về ở cùng, nói sống chết thế nào còn có nhau. Chính tao cũng đã định về phường Cây Bàng từ lâu. Chỉ ngại dọn nhà. Gặp Vũ Hạnh xong, Mộng Tuyết không dám nói rõ sợ tao giận, nhưng tao đã hiểu. Mày nghĩ tao có nên rời khỏi Gác Mây của Mộng Tuyết không?

Đó là một tòa biệt thự lạnh lẽo. Hai cánh cổng sáng chiều đóng chặt. Một nữ chủ nhân hoang mang lo sợ trước đổi đời. Thời thế tối thẳm, hung dữ đã giết chết cái không khí thanh lịch. Gác Mây đâu còn là Gác Mây nữa. Từ ngày Vũ Hoàng Chương bị làm khó ở căn nhà vách ván lụp xụp ở khu Bàn Cờ, rồi Mộng Tuyết hết lời mời mọc, thi sĩ đành tới nhờ Úc Viên, có Gác Mây.

Trong truyền thống những thi sĩ lớn của dòng thơ Việt mọi thời, hoàn cảnh đời sống hàng ngày của Vũ Hoàng Chương phải được trải mãi trên tấm thảm bần bách và đạm bạc như trên tấm thảm ấy đã Tú Xương, đã Tản Đà, đã Nguyễn Bính…. Tôi mừng rỡ:
– Bọn nó làm khó mày rồi đấy. Làm khó từ chỗ ở trước. Ở đây ra vào kiểu cách, khó chịu lắm. Về phường Cây Bàng đi.
Vũ Hoàng Chương có vẻ vui thích trước ý nghĩ ông về sống trên căn gác xép ngày trước của Đinh Hùng. Ông đã gần Đinh Hùng một đời. Bây giờ gần thêm nữa. Ông nói:
– Một tuần lễ nữa, tao đi.
Năm ngày sau tôi trở lại Úc Viên, để thấy Vũ Hoàng Chương đã đi sớm hơn ông đã hẹn. Hai ngày trước, một nhóm sinh viên luật, trước là học trò ông, tới thăm thầy đã đi mướn xe, khuân đồ đạc dùm thầy xuống khỏi Gác Mây.

Lần trở lại Úc Viên này, tôi không vào. Chỉ đứng lại với Mộng Tuyết ít phút ở cổng. Mộng Tuyết có vẻ ngượng:
– Anh Chương đi rồi. Giữ ảnh ở thêm ít ngày cũng không chịu.
Tôi không giấu được buồn bã:
– Từ phút anh Chương rời khỏi đây, Hà Nội chấm dứt tẩy chay chị rồi chứ? Ai đã tới thăm chị rồi? Chúng mình cùng một cảnh ngộ, đã sống thân thiết với nhau mấy chục năm trời, bây giờ chết cũng phải tình nghĩa cố kết hơn lúc nào hết. Cho họ khỏi coi thường. Không ai đến thăm thì thôi. Chị đã bẩy mươi tuổi, còn sợ gì nữa?

Về sau tôi được biết Vũ Hoàng Chương về phường Cây Bàng buổi chiều thì *ngay buổi tối ngày hôm đó, Vũ Hạnh chở vespa Xuân Diệu tới thăm Mộng Tuyết. Rồi hôm sau, Huy Cận, Chế Lan Viên tới.* Khi Mộng Tuyết nói thi sĩ đã rời khỏi Gác Mây, đám nhà thơ miền Bắc đã giả vờ tỏ vẻ hối tiếc là không biết trước để tới thăm thi sĩ sớm hơn…"

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Đi mua sách ở phố sách Đinh Lễ

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Nhà văn Nhất Linh với những ấn tích

Ông có thói quen viết làm hai bản tất cả những tài liệu quan trọng. Ngay cả lúc cuối đời thói quen đó ông cũng không bỏ. Giây phút trước khi tự kết liễu đời mình ông cũng cẩn thận ngồi chép hai bản chúc thư giống hệt nhau. *Đời tôi để lịch sử xử*...

Tôi nhớ tới niềm vui bèo bọt của tôi lúc ấy khi thấy ông trở lại vẻ thanh thản, tới thái độ quả quyết của ông như sẵn sàng với phiên tòa xử ông ngày hôm sau, tới việc ông lừa anh Triệu và tôi đi mua rượu cho ông uống và đôi mắt cuối cùng của ông nhìn tôi rất lạ.
Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại, tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngập ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi:
''Đi có 15 phút thôi à?''.

Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời" (Niềm vui chết yểu - NTT Nguyệt san Văn Học - 1964).

(Chuyến tàu trong đêm **-** Nguyễn Tường Thiết)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quở"

Ăn cháo sườn chợ Đồng Xuân

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Nhìn lại một số tạp chí miền Nam

Tạp chí có mặt cùng thời và nổi tiếng hơn nhiều so với *Bách Khoa* là tạp chí Sáng Tạo của chủ nhiệm Mai Thảo. Sáng Tạo có mặt vào tháng 10/1956. Tập truyện *Đêm Giã Từ Hà Nội* đưa Mai Thảo từ vị thế vô danh trở thành cây bút nổi tiếng thời đó không do nội dung mà chính là do hình thức nghệ thuật với phong cách và ngôn từ mang nhiều nét mới mẻ, hào hoa, bay bướm.

Hai tác giả trên Sáng Tạo thường bày tỏ quan điểm về cộng sản là *Doãn Quốc Sỹ* và *Quách Thoại* đều biểu hiện hướng nhắm chủ yếu là nỗ lực đạt tới quan điểm chính trị của mình. Điều này không khó nhận ra qua các truyện của Doãn Quốc Sỹ và các *bài thơ khô lạnh* của Quách Thoại, dù hình ảnh diễn tả trong thơ là hình ảnh những cuộc đấu tố man rợ kinh hoàng.
Sự có mặt của Quách Thoại cũng giúp xác nhận Sáng Tạo không hẳn là một nhóm nhà văn trẻ miền Bắc di cư, nhất là trên Sáng Tạo còn có tên *Tô Thùy Yên,* người Nam.

Sáng Tạo sớm gây ồn ào dư luận chỉ vì lối thơ được gọi là thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền . Sáng Tạo vẫn được nhắc tới như tờ báo mở đường cho thể loại thơ tự do và đã giới thiệu nhiều tên tuổi thi sĩ trong hàng ngũ này nhưng những gì còn lưu lại trong trí nhớ người đọc chắc chắn không ngoài những bài thơ tình của Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng và các sáng tác của Tô Thuỳ Yên chẳng vướng vất chút hơi hướng nào của Thanh Tâm Tuyền qua *Tôi Không Còn Cô Độc*.

Về hội hoạ thì Ngọc Dũng, Duy Thanh vẫn là những Ngọc Dũng, Duy Thanh của thuở xuất hiện tại Hà Nội, Thái Tuấn chưa định hình hẳn cho mình dù có những đường nét thanh thoát, nhẹ nhàng, còn Tạ Ty không rời khỏi nồng độ mầu sắc chói lói, hình thể gồ ghề kỳ dị, chen nhau nhô lên góc cạnh, lồi, lõm... cố hữu đầy bí hiểm với người xem.

(Hai mươi năm miền Nam 1955-1975 - Nguyễn Văn Lục)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường.
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ.
Ai bảo chăn trâu là khổ.
Tôi đây…chăn nàng còn khổ hơn trâu...

Thuở mơ làm văn sĩ

Tối nay công việc của tôi là đến nhà in trông coi cho thợ lên khuôn trang báo chót. Khoảng tuần sau báo phát hành, chỉ còn gần một tháng nữa thì tết thôi. Tôi nghĩ đến truyện ngắn của tôi được in trên báo mà lòng mừng phấn khởi. Tờ báo và bài vở được những tay hoạ sĩ "cây nhà lá vườn" trình bầy đẹp đáo để. Bìa in "ốp xét" kỹ thuật in tối tân thời đó, bóng láng thơm phưng phức mùi mực in. Tôi bắt đầu say mê không khí nhà in, nhất là làm việc đêm. Tiếng máy in tipô chạy xoành xoạch, mùi mực mùi giấy.
Người thợ in ngồi nhẫn nại trên máy giở từng tờ (cahier) giàn xếp chữ tí tách làm việc, đám con gái ngồi đóng xếp báo, cái que gạt trong tay các cô thoăn thoắt, tiếng giấy xoàn xoạt, chuyên nổ như bắp rang. Tôi thấy cảnh đó như cảnh thu hoạch vụ lúc ở quê nhà, chỗ thì đập lúa, chỗ xay lúa, chỗ giã gạo và chỗ sàng xảy. và tôi, tôi cũng thấy mình quan trọng, dù tôi chỉ là anh thầy cò tập sự, kiểm soát lại bản sửa lỗi cuối cùng trước khi lên khuôn. Cảnh tượng ấy như có ma lực hấp dẫn tôi.

Tôi tới nơi và thấy anh Lê Đình Điểu đã ở đó, anh cắm cúi sửa bản in. Anh ngẩng lên nói với tôi, giọng có vẻ nhà nghề:
- Cái "bát chữ" đã xong, nếu không có tôi tới sớm thì cái "cliché" này nằm lộn ngược, không đúng với "makét".
- Sửa lại thôi, nhưng tôi đến đúng giờ mà.
- Biết rồi, tôi có trách bạn đâu, sớm thì vẫn hơn, anh em chạy máy phải "đèpa" sớm. Cả 10 ngàn tờ báo chứ có ít đâu.

Lê Đình Điểu nháy, tôi hiêu ý ra ngay quán cà phê ngoài đường mua một ly cà phê đá đậm và nửa gói thuốc Ruby vào mời anh chạy máy. Anh thợ tỏ ra vui vẻ, uống cà phê và nói chuyện với chúng tôi rôm rả như nói với người lớn:
- Các cậu còn trẻ mà biết làm ăn "điệu nghệ" trong nghề này, cứ sửa khuôn kỹ đi, tôi hứa là sẽ chạy máy không hao giấy, từ tờ đầu đến tờ cuối không khác nhau. Tôi có kinh nghiệm 10 năm trong nghề này rồi đó, trước đó tôi chạy máy "pê đan" chứ đâu có được chạy máy Tipô tối tân như ngày nay, tin vào tài năng tôi đi, nhà in này tuy nhỏ nhưng tuyển toàn thợ giỏi không hà....

Chúng tôi, hai đứa loay hoay sửa bài gần một tiếng đồng hồ. Rồi đến xếp Tipô xuống sửa lỗi lần chót. Khi máy chạy thử, cầm một cahier lên coi thấy hết hẳn lỗi, chúng tôi mới an tâm ra về.

(Nguyễn Thụy Long)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho... lòi tiền ra

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ngọc Thứ Lang với chữ nghĩa

Theo nhà văn Hoàng Hải Thủy thì ông đã gặp *Nguyễn Ngọc Tú* tức Ngọc Thứ Lang, công tử Bắc Kỳ vào năm 1951 tại Sài Gòn. Đó là năm mà cả hai ông đều mới ở tuổi đôi mươi. Thế nhưng ở vào tuổi đó anh Tú đã là người chơi trội hơn Hoàng Hải Thủy nhiều: Đánh roulette ở sòng bạc Kim Chung và hút thuốc phiện.

Năm 1955, mới chừng 25 tuổi, Nguyễn Ngọc Tú đã kiếm được nhiều tiền. Anh in và bán quyển *Tại Sao Tôi Di Cư* cho Bộ Thông Tin chính phủ Việt Nam Cộng Hoà thời bộ trưởng Phạm Xuân Thái. Năm đó Nguyễn Ngọc Tú đã có trong tay cả trăm ngàn đồng, một số tiền rất lớn thời bấy giờ.
Anh ăn diện như một tay chơi thứ thiệt: áo sơ mi hàng nhập từ Paris chỉ có trong một cửa tiệm trên đường Tự Do, *đồng hồ vuông mặt đen, mũ mossant, cặp da, máy chữ, hút thuốc lá Phillip Morris vàng loại King size, bật lửa Dupont*, cơm Tây, rượu chát,...

Vào giai đoạn đó, Nguyễn Ngọc Tú gặp tình yêu. Nhưng mối tình trắc trở. Người yêu anh tự tử và cuộc đời anh bắt đầu xuống dốc không phanh. Anh nằm luôn trong căn nhà bán thuốc phiện ở hẽm Monceaux, Tân Định. Ăn, hút và ngủ luôn trong nhà đó. Để có tiền hút, Tú bán dần đồng hồ, máy chữ, cặp da,... Anh trở thành người nghiện hút nặng.

(Nguyễn Xuân Hòang)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Thuận vợ thuận chồng, con đông mệt quá.

Những ca từ khó hiểu trong nhạc Trịnh Công Sơn

Dấu Chân Địa Đàng
Bài hát *Dấu Chân Địa Đàng*, ban đầu có tên là *Tiếng Hát Dạ Lan*, được Trịnh Công Sơn viết trong thời gian ông dạy học ở B'Lao – Lâm Đồng. Trong bài này có hình ảnh ẩn dụ vô cùng khó hiểu như *"loài sâu ngủ quên trong tóc chiều", "lời ca dạ lan"…*
May quá, những hình ảnh đó sẽ được chính TCS giải thích, nếu bạn đọc được cuốn *Thư Tình Gửi Một Người* (tổng hợp những bức thư tình ông Trịnh gửi cho Dao Ánh). Khi hiểu được những ca từ này, người nghe sẽ thấy bài hát sẽ trở nên hay hơn.

Loài sâu này chính là một phiên bản khác của phận người, ôm chất chứa những buồn vui của nhân sinh, điều này được thấy rõ hơn trong những bức thư của Trịnh Công Sơn gửi DaoÁnh: "Ngôn ngữ đã mất đi với *những ngày nằm co như một loài – sâu – chiếu* ở Blao" (thư Đà Lạt, 19.9.1964), "Ở đây có *loài sâu đất reo đêm*" (thư Đà Lạt, 19.9.1964*),*"Đêm sáng mờ bên ngoài. *Sâu đất reo rắt trong ở bãi cỏ*" (thư Blao,23.10.1964), "Đêm đã lạnh và đã buồn. Cây cỏ lao xao. Anh chỉ còn nghe rõ tiếng *sâu đất và tiếng dế reo…"* (thư Blao, 29.12.1964), "Đêm rất dày đen. *Sâu đất của núi rừng cũng đã reo lên âm thanh rất nhọn*" (thư Blao, 23.9.1965).

***
Hình ảnh "dạ lan" cũng được nhắc tới trong bài này*:* "Nửa đêm đó lời ca dạ lan như ngại ngùng". Dạ lan là gì? Nhà cô gái 16 tuổi Dao Ánh ở Huế (cách nhà Trịnh Công Sơn ở Huế một cây cầu là

cầu Phú Cam) trồng nhiều *hoa dạ lan* và loài hoa này không chỉ thơm ngát trong vườn nhà Dao Ánh mà còn lừng hương trong nhạc Trịnh và trong nhiều bức thư tình tha thiết, da diết của Trịnh Công Sơn gửi Dao Ánh*:* "Dạ lan giờ này chắc đã *ngạt ngào cả một vùng tối* đó rồi, đã cài lên từng sợi tóc của Ánh" (thư Blao, 31.12.1964), "Anh ao ước bây giờ mở cửa ra bỗng dưng có chiếc cầu bắc qua dòng sông và anh bước qua cầu rồi rẽ về phía tay phải đi đến *căn nhà có mùi thơm dạ lan và đứng đó gọi tên Ánh thật thầm để chỉ vừa đủ Ánh nghe"* (thư Blao, 26.9.1965).

(Đông Kha)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Làm trai bốn bể là nhà.
Cái loại giai ấy chắc là... ăn xin

Đường văn ngõ chữ

Nhà thơ Bùi Giáng, Hữu Loan, lần gặp mặt - 1

Sau tháng Tư 1975, trước khi nhà thơ Hữu Loan có dịp vào Nam, đã có một số thân hữu từ miền Nam ra Bắc thăm ông. Khó thể mô tả cảnh nghèo khó của gia đình ông thuở ấy, lại khó thể hình dung ra cái tình cảnh cô đơn của một Hữu Loan bị cô lập trong bao nhiêu năm. Ông vào thăm Sài Gòn khá muộn màng, có thể do điều kiện quá khó khăn. Anh em chúng tôi có dàn xếp một ngày để tiếp ông. Cà phê sáng, dùng cơm trưa, buổi chiều đưa ông đi dạo chơi đó đây. Thuở ấy chỉ toàn xe đạp, sang trọng tí chút là xe gắn máy. Ông rất hồi hộp khi ngồi yên sau xe gắn máy. Ông bảo, "Đèo nhau xe đạp, chậm rãi, thì bình an hơn".

Quán cà phê vườn khá rộng. Khi Duy Th. đưa Hữu Loan tới, quanh bàn chúng tôi đã có *Tô Kiều Ngân, Bùi Giáng* và mấy anh em văn nghệ.

Bùi Giáng ngạo nghễ. Hữu Loan, thoạt nhìn như một pho tượng. Sạm một màu đất nung. Khuôn mặt chữ điền, trán rộng, sống mũi thẳng, cao. Tôi nghiêng người chào ông. Ông nở nụ cười. Một nụ cười cẩn thận, nói rằng thân thiện là chưa đúng. Một cái bắt tay của giao tế, dè chừng.

Sống ở miền Nam, sau cơn dâu bể, nay gặp anh trở về, gặp chị ngoài kia vô, chào một nhà văn xứ Bắc vừa chạm mặt, tôi nhận ra tất cả họ đều có một hành xử khá giống nhau. *Luôn nhìn quanh, ưa quay nhìn lui sau lưng. Nói ít, nói nho nhỏ. Cẩn trọng, đề phòng.* Lâu ngày thành thói quen, trong một chế độ không thể "Trong bụng có gì ta có thể nói ra thế ấy". "Khó thể thật tình với nhau, thì phải nói khéo, để che chắn sự thật, đậy nắp cái cốt lõi sự việc". Mèo phải nước sôi phải biết sợ cả nước lạnh.

Hữu Loan có khác. Trong đau đớn tột cùng hãy còn phảng phất cái thanh cao. Bắt tay nhau, tôi chạm phải một bàn tay thô tháp. Những ngón to, cứng. Gân nổi trên lưng bàn tay. Sau này biết, *đôi bàn tay ấy từng đẽo đá, từng đẩy xe cút kít, xe thồ, ròng rã mấy mươi năm,* để sống qua ngày, nuôi vợ con trong tình thế một nhà thơ bị vây khổn, bị khủng bố, cái giá treo cổ là không vô hình. Tất cả là bóng tối, thất nghiệp cả nhà, đói khát, cơ cực. Là cả hoạn nạn thời thế, cách ly, nghiệt ngã.

(Cung Tích Biền)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Nhà sạch thì mát.

Bát mẻ thì sứt môi.

Đường văn ngõ chữ

Nhà thơ Bùi Giábg, Hữu Loan, lần gặp mặt - 2

Với ly cà phê đen, bữa nay tôi có cái để mà nhớ lại, để được ngắm nhìn Hữu Loan. Cùng một bàn. Những tách cà phê đã vơi. Sắp mời ông đi tiệc tùng buổi trưa đây. Nhưng cuộc trò chuyện càng lúc càng gần gũi hơn, dù ông chỉ lắng nghe. Ít cả nụ cười.

Ông được đón tiếp nồng hậu. Bùi Giáng khinh bạt nhưng rất mực yêu mến những tài năng, từng rất mê đắm Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Tản Đà. Lúc này, Bùi Giáng nhìn Hữu Loan một cái nhìn trôi nổi, một ánh mắt có thể gọi là thơ dại, trong ngần như ánh trăng. Thường khi ngồi uống rượu hay cà phê cùng anh em, Bùi Giáng chỉ ngồi một lúc rồi đứng dậy đi nghêu ngao, Ra đường chặn xe cộ, đùa chơi. Có khi biến mất luôn chẳng chào ai. Hôm nay, Sáu Giáng ngồi rất lâu. Bùi Trung Niên Thy Sỹ một thời trẻ chăn dê [bò đấy] nơi núi đồi Quảng Nam, là rất đắm đuối với "Lá hoa cồn", cùng "Đồi sim trái chin".

Trò chuyện với Hữu Loan, mến ông là một người khá hiểu biết về văn chương, học thuật. Dễ là *chốn tri âm, tương phùng*. Có thể do ông là người có học hành tử tế, trưởng thành vào thời kỳ nước nhà còn lưu giữ những nền móng đạo lý, những thứ vốn văn hóa quý hiếm của giống nòi. Gặp ông, ngoài những chia nhau nỗi oan giữa đời, còn là một điều khá thú vị, vì chúng tôi có một cái thói, rất "thoái trào" trong thời đại "cơm áo gạo tiền", là lúc chung trà chén rượu cùng nhau, chỉ rặt bàn luận văn chương, triết học, âm nhạc nghệ thuật.

(Cung Tích Biền)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Cá không ăn muối cá ươn.
Chồng cãi lại vợ ra đường…bơm xe.

172 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phóng sự và tuỳ bút

Phóng sự là thể văn mới của chữ quốc ngữ có từ đầu thập niên 1930 ở nươc ta. Phóng sự là thể loại có tính cách thời sự dưới góc canh đặc biệt mà tác giả ghi lại những điều tai nghe mắt thấy với nhận xét và phê bình.

Ký sự (hay bút ký) là "phóng sự" mà thời gian tính đóng vai thứ yếu. Nếu *phóng sự là con đầu lòng của nghề viết báo*, thì đồng thời nó là con đẻ của ký sự. Phóng sự và ký sự cạ hai nặng về ghi chép sự việc: Nhưng "ký sự" *có trước, phóng sự ra đời sau* do nhu cầu của nghề báo.

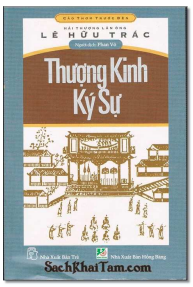

Thiên ký sự đầu tiên ở nước ta là "Thượng kinh ký sự" (*Ký sự lên kinh*) của Hải thượng Lãn Ông, tập bút ký thuật lại hành trình từ quê lên Thăng Long để chữa bệng cho con của Trịnh Sâm.

Phóng sự có hai loại: Phóng sự xã hội và phóng sự chiến trường. "Tôi kéo xe" (1932) của Tam Lang vũ Đình Chí là phóng sự đầu tiên ở Hà Nội. Sau đó tiếp đến với Trọng Lang, Vũ Trọng Phụng.

Về loại bút ký chiến tranh 1965-1975 có "Đời pháo thủ" của Nguyên Vũ, "Một ngày tại Hà Nội" của Phạm Huấn, v…v…

(Trần Bích San) *

- * Trần Bích San tên thật Trần Gia Thái, sinh ngày 31-8-1940.
- Sinh quán: Mỹ Lộc, Nam Định.
Tác phẩm: Văn khảo (2000) - Giai thoại văn chương (2006)

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Bùl Huy Phồn

Nhà văn Bùi Huy Phồn tức Đồ Phồn thuộc lớp tiền chiến, năm 1941 đã viết tiểu thuyết trào phúng "Một chuỗi cười", năm 1946 cũng tiểu thuyết trào phúng "Khao", năm 1961 ông viết tiểu thuyết "phất" hưởng ứng phong trào cải tạo tư doanh ở Hà Nội .

Ông là ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam khóa II (1962-1972)i. Trong vụ Nhân văn Giai phẩm ông viết bài "đánh" Trương Tửu rất nặng. Xuân Sách viết chân dung ông không lấy gì làm ưu ái khi gọi trệch "đồ phồn" thành "*đồ phấn*", "*đồ vôi*" :
"Phất rồi ông mới ăn khao
Thơ ngang chạy dọc bán rao một thời
Ông đồ phấn, ông đồ vôi
Bao giờ xé xác cho tôi ăn mừng …"

(Nhật Tuấn *)

* nhà văn Nhật Tuấn là em nhà văn Nhật Tiến

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ta cứ ngỡ xuống trần chơi một lát
Nào ngờ đâu.. bi đát đến hôm nay

(Thích Tánh Tuệ)

Văn hoá ẩm thực
Hủ tiếu

Hủ tiếu là món ăn gốc Tàu. Gọi người Hoa là dân Tàu hoàn toàn không có ý khi dễ. Nguyên xưa kia người Hoa "phản Thanh phục Minh" trốn chạy nhà Thanh di cư xuống bằng tàu biển nên dân Việt gọi họ là dân Tàu. Người Việt là anh Hai rồi thì người Hoa là Ba Tàu thôi chứ biết sao.

Hủ tiếu có ba loại là hủ tiếu Nam Vang, hủ tiếu Mỹ Tho và hủ tiếu Tàu. Không biết ba loại này khác nhau ra sao. Có dịp ở Phnom Pênh, tui hỏi người Miên, họ gọi đó là món đọc nghe như "Ku Tíu". Vậy có thể đoán mò món đó *"Ku Tíu" (hủ tíu)* từ người Tàu ở Nam Vang có trước rồi mới truyền sang miền Nam.

Hủ tiếu nước thì có nhiều quán ăn được nhưng như tui là fan của hủ tiếu khô thì hơi khó tìm quán nấu ngon. Trước kia kêu tô khô, chỉ cần trộn đều là vừa ăn, đi kèm là chén nước lèo có thịt

bằm và hành lá nổi đầy mặt chén. Còn giờ bắt buộc phải xịt thêm nước tương, còn chén nước lèo trong veo, nhiều khi hơi mặn.

(Ngã thuật nhi bất tác - KT)

Hình ảnh cũ
Cái chạn trong miền ký ức
(Cái "gạc-măng-giê)

Đôi khi ngồi hàn huyên với nhau, chúng tôi lại tự hỏi: Ngày ấy sao chúng ta không cần tủ lạnh? Đơn giản thôi, bởi đồ ăn làm gì có nhiều như bây giờ mà cất.. Các bà mẹ luôn tính toán để thức ăn vừa hết trong ngày. Hầu như không có thức ăn nào lưu cữu quá 2 ngày.

Thức ăn để trong chạn, đóng cửa lại thì mèo, chuột không vào được nhưng *lũ kiến vẫn kéo đàn vào đánh chén*. Để khắc phục việc này, các nhà thường kê *4 cái chân chạn lên 4 cái bát mẻ đổ ngập nước pha dầu luyn.* Thế là kiến đành chịu thua.

Thời gian trôi, giờ đây những loại tủ lạnh hiện đại, to đẹp đã thay thế cho chiếc chạn bát năm nào. Nhưng tôi tin, bất cứ ai đã từng sống qua một thời xa xưa ấy đều không thể quên chiếc chạn bát *"thần thánh"*. Đó không chỉ là nơi cất giữ thức ăn, bát đũa... mà còn thể hiện sự vén khéo, tình yêu thương của những người mẹ dành cho cả gia đình.

Tôi tin, trong miền ký ức của mỗi người đã từng sống qua thời đó, sẽ vẫn còn lưu dấu vài kỷ niệm nho nhỏ, vui vui về cái chạn bát.

(Vy Anh)

Lịch Tầu, lịch Ta

Người Việt nói lịch Ta là lịch Tầu. Nhưng người Tầu gọi tên 12 con giáp khác hẳn Ta:
- Thử, ngưu, hổ, miêu, long, xà, mã, dương, hầu, kê, khuyển, trư.

Với lịch Ta, riêng năm sửu bắt nguồn tiếng Mường: *"tru",* sau này phiên âm Hán-Việt từ *"tru"* thành*…"trâu".*
Với năm *thìn.* Chữ *thìn* chỉ *con rồng* vốn có nghĩa là…con rùa.

Xưa kia, tiếng Việt cổ gọi *con rùa, con ba ba là con đìn địn*. Ca dao có câu "Mồng tơi chưa chín, đìn địn đã rừ".
Người Phúc Kiến gọi con thìn là con đìn. Cung thìn, trong thiên văn cổ Tầu gọi là cung *huyền vũ* và ứng với chòm sao *thọ tinh* (*huyền vũ là rùa đen, loại rùa sống lâu*).

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

Nhớ Sài Gòn, chốn cũ đường xưa
Tân Định & Đa Kao những ngày xưa cũ

Cho đến bây giờ, dù đã xa Tân Định và Đa Kao nhiều năm, nhưng trong tôi hai cái tên lúc nào cũng là một nỗi nhớ khôn nguôi. Chúng cứ thôi thúc tôi hoài. Đã bao năm qua, tôi muốn tìm về chốn này, để sống lại với kỷ niệm thuở học trò. Tôi cứ hẹn đi, hẹn lại, nhưng chưa bao giờ thực hiện được ước mơ này. Rồi một dịp tình cờ đưa đến, năm 2010, tôi đã toại

được ý nguyện. Tôi đã có hai tuần lễ đi qua, đi lại trên những con đường kỷ niệm của Tân Định và Đa Kao. Điều làm tôi rất đỗi ngạc nhiên và thích thú là tên nhiều con đường trong khu vực này vẫn như cũ.

Thật vậy, sau 1975, một số tên đường của thành phố Sài Gòn thân yêu đã bị đổi bằng những cái tên khác. Nay được thấy lại các tên đường ở khu Tân Định và Đa Kao không bị thay đổi nhiều, trong lòng tôi bỗng nhiên dâng lên một sự xúc động và niềm sung sướng vô cùng.

(Trần Đình Phước)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Hồn bướm mơ tiên

Nhân dịp đầu xuân, vua Lê Thánh Tông (1442-1497) ngự thăm nhà Thái học (Văn miếu), lúc về ghé qua chùa Ngọc Hà ở thôn Thanh Ngô gần đấy (1). Tới nơi, vua thấy cảnh trí u nhã, hoa cỏ xanh tươi, lại nghe tiếng ni cô tụng kinh vang vang trong chùa. Giọng ni cô uyển chuyển lạ thường , khiến người nghe dường như cũng phiêu diêu trong thế giới cực lạc. Nhà vua hứng tình, nguồn thơ lai láng, liền đề ngay lên vách chùa hai câu thơ :
Tới nơi thấy cảnh thấy người
Tuy vui đạo Phật chưa nguôi lòng trần

Rồi nhà vua lấy hai câu ấy làm đầu đề, bắt các quan tùy tòng ngâm vịnh. Lúc ấy, Thân Nhân Trung, một trong hai vị phó soái của "Tao đàn nhị thập bát tú" có thơ vịnh :
Ngẫm sự truyền duyên khéo nực cười,
Sắc không tuy bụi, hẫy lòng người.
Chày kình một tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.
Bể ái ngàn trùng mong tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây chín rõ mười!

Vua trao bài thơ cho ni cô xem, ni cô chê hai câu "thực" thiếu ý cảnh và sửa lại:
Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Nhà vua khen hay, rồi đưa luôn ni cô về cung. Nhưng kiệu đi tới cửa Đại Hưng (2) thi ni cô biến mất. Lấy làm lạ, vua bèn sai dựng ở đó một cái lầu gọi là "Vọng tiên lâu" để lưu dấu người tiên.

(1) Đền Ngọc Hà ở phố Nguyễn Khuyến (phố Sinh Từ Hà Nội)
(2) Chợ cửa Nam bây giờ

Thành ngữ tục ngữ sai

Xưa kia ai cấm duyên bà, bây giờ bà già, bà cấm duyên tôi
Lời oán thán của người con gái muốn lấy chồng nhưng không được người trong gia đình ủng hộ lại chê bai, thậm chí cấm đoán.

Thực ra, nghĩa đen tục ngữ nói đến một trường hợp rất cụ thể:
Cô con dâu (tôi) là góa phụ, muốn "đi bước nữa" (tái giá), nhưng bị (bà) mẹ chồng ngăn cấm. Tuy nhiên, xưa kia khi còn trẻ, gặp chuyện *"nửa đường đứt gánh",* chính bà mẹ chồng cũng từng tái giá. Ấy thế nên cô con dâu góa chồng mới "vặn" lại mẹ chồng: Xưa kia, *chính bà đã từng muốn tái*

giá như tôi (và thực tế bà đã tái giá), không bị ai ngăn cấm, sao bây giờ tôi muốn "đi bước nữa" như bà từng đi, lại bị bà ngăn cấm?

Cái hay của câu tục ngữ ở cụm từ *"bây giờ bà già"*. Vì bà đã già, bà không còn lửa lòng, khát vọng của tuổi trẻ nữa nên bà mới ngăn cấm người khác một cách ích kỷ. Nghĩa bóng và cách dùng rộng hơn: *Bản thân mình từng mong muốn hoặc làm việc gì đó không bị ai cấm đoán, bởi vậy, nếu người khác cũng có mong muốn giống mình thì không nên ích kỷ cấm đoán.*

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

tông tích 蹤跡

Tông nghĩa là dấu vết (đọc là *tung* thì đúng hơn), *tích* nghiã là vết chân. Nghĩa chung của tung tích có thể hiểu là lai lịch, là nguồn gốc của một sự việc hoặc của một nhân vật. Vì không đọc được chữ Hán, do đó không thể biết rằng, "tông" ở đây chính là do chữ "tung" bị biến âm mà ra nên soạn giả đã giảng giải rằng, *tông nghĩa là dòng họ.* Chúng tôi đã tra cứu ở các từ điển Từ nguyên và Từ hải thì chỉ thấy *chữ tung là dấu vết* (mà có khi được đọc là tông) chứ không phải chữ tông là dòng họ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Xách mé

Xách mé : không đàng hoàng
(*nói xách mé, kêu xách mé*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"rong *rong* riềng → không viết: *dong*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "dong" mới đúng, *dong riềng*. Cây trồng, thân cỏ, lá to,
màu tím nhạt, củ trông giống củ riềng.

(Hòang Tuấn Công)

Bạt

Bạt chữ Hán có hai nghĩa: *rút lên, nhẩy qua.*

Cũng có nghĩa là *đoạn viết sau một cuốn sách.*

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"rứt: *rứt* tình → không viết: *dứt*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "dứt tình" mới đúng. Vì "dứt" (Hán = *đoạn* 斷 /*tuyệt* 絕); "dứt tình" = *đoạn tình, tuyệt tình*. Làm cho đứt sự liên hệ, lìa bỏ hẳn cái gắn bó về tình cảm, về tinh thần.

(Hòang Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó.

Ruốc: Thứ giống như *tép rong tròn mình mà trắng*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

Cuốn sách được đặt tiêu đề: *Từ điển chính tả tiếng Việt* của GS.TS Nguyễn Văn Khang - Đại học Quốc gia Hà Nội, dày 806 trang, khổ lớn. GS.TS Nguyễn Văn Khang hoàn toàn không "*xử lí chính tả*" theo tài liệu, mà "*xử lí*" theo *cảm tính chủ quan, hoặc căn cứ theo một nguồn tài liệu nào đó, dẫn đến rất nhiều sai sót.*

"sâm: *sâm sấp*. → không viết: *xâm*". (Nguyễn Văn Khang)

Viết chuẩn là "xăm xắp", [nước] ở mức không đầy lắm, chỉ đủ phủ kín khắp bề mặt. *nước xăm xắp mặt ruộng* ~ "*Nước sông trong veo lặng lẽ trôi, mùa lũ nước sông dềnh lên xăm xắp đôi bờ cỏ cây xanh tốt.*" (Dương Hướng).

(Hòang Tuấn Công)

Chữ là nghĩa

Câu ca dao: "Chẳng thơm cũng thể hoa *nhài*/ Dẫu không *lịch* (1) cũng người Tràng An"

Câu này bị dùng một cách phổ biến hiện nay là "Chẳng thơm cũng thể hoa lài/ Dẫu không *thanh lịch* cũng người Tràng An".

(1) lịch ở đây là lịch lãm, lịch thiệp, hàm ý rộng hơn.
Thanh lịch là vẻ bề ngoài.

(Tự điển thành ngữ)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"Sập: *sập sè*".(Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết chuẩn là "xập xoè".

(Hòang Tuấn Công)

Chữ là nghĩa

Một cái xây chừng (cà phê đen nhỏ) hay một cái xây bạc xỉu (cà phê sữa nhỏ)

Bạc sỉu: tiếng Hoa 白小, *bạch và tiểu*, âm Tầu là *bạc và sỉu* có nghĩa "trắng và nhỏ", xuất phát từ việc uống cà phê của người Việt gốc Quảng Đông, như cà phê sữa, nhưng *phần sữa nhiều hơn, cà phê ít hơn*.

Cái siêu đất, "phin" pha cà phê làm bằng vải mỏng, người ta quen gọi là bí tất hay vớ (dzớ). pha bằng vợt, rót vào cái siêu đất, rồi lại rót cà phê từ cái siêu đất vào một cái ly.
Thế là đã có một ly *xây chừng* ngon…đáo để.

Trong khám Chí Hòa

Thấm thoắt vào đây tháng đã tròn,
Lông hồng gieo xuống nhẹ như non,
Một manh chiếu nát, thân tơi tả,
Nửa bát cơm hôi, xác mỏi mòn.
Ngày đến bữa ăn thường nhớ vợ,
Đêm về giấc ngủ lại thương con.
Dẫu bao nước chảy qua cầu nữa,
Hồ dễ gì phai được tấc son.
(V.H.C. - Chí Hòa 1976)

Bà Đinh Thục Oanh
Vũ Hoàng Chương, phu nhân
trước ban thờ của cố thi sĩ.

(Trung tâm Văn bút Việt Nam
1957-1975 - Nhật Tiến)

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Những gương mặt tiêu biểu

Ngày 13 tháng 4 năm 1976, nhà nước CS bắt giam Vũ Hoàng Chương đưa vào khám Chí Hòa. Rồi vì bệnh nặng, ông được thả về, nhưng chỉ 5 ngày sau tức ngày 6 tháng 9 năm 1976 thì ông từ trần, để lại mấy bài thơ làm trong tù như sau:

Văn tự hà tằng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.Nguyễn Du
Chẳng dùng chi được văn tài
Thân này lụy áo cơm ai bất ngờ
Phút giây chết điếng hồn thơ
Nét đau mặt chữ đến giờ còn đau.
Chắc gì ba trăm năm sau
Đã ai vào nổi cơn sầu nằm đây
Nếu không cơm đọa áo đầy
Như thân nào thịt xương nầy bỗng dưng.
Chết theo vào đến lưng chừng
Say từng mảnh rớt mê từng khúc rơi
Nửa chiều say ngất mê tơi
Khúc đâu lơ láo mảnh đời Thi Vương.
(V.H.C. - Chí Hòa 1976)

Qua với bậu

Theo Gs Nguyễn văn Sâm, chữ *bậu* có nghĩa là *em*, dùng trong cách nói thân mật. *Người Nùng có tiếng bậu nghĩa là em. Người Thái có tiếng phậu cũng có nghĩa tương tợ*

Người Nam kỳ nói *bậu bạn*, trong cách nói thân mật. Nên khi nói nó "làm bạn với…" có nghĩa là cưới vợ lấy chồng. Văn thơ Nam Kỳ dùng chữ *bậu chỉ người mình thương* khi nói trực diện .
Bậu nói với qua bậu không bẻ mận hái đào,
Mận đâu bậu bọc, đào nào bậu cầm tay ?

Nguồn gốc *qua* và *bậu*
Cũng theo Giáo sư Nguyyễn văn Sâm, hai tiếng *qua* và *bậu* có *nguồn gốc từ tiếng Triều Châu và Nùng, Thái, Miên*. Có người lại quả quyết một cách chắc nịch hai tiếng *qua* và *bậu* hoàn toàn là sản phẩm trong ngôn ngữ đặc sệt của dân Nam kỳ Lục tỉnh và cả cách sử dụng hai tiếng đó trong nói chuyện hằng ngày .

(Nguyễn thị Cỏ May)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Dạo quanh bờ hồ Hoàn Kiếm bằng xích lô

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Nhà văn Nhất Linh với những ấn tích

Tôi nhìn lên. Qua khung cửa hẹp của nhà liệm là mảnh trời trong và cao của thành phố Sài Gòn nơi những tia nắng đầu ngày lọc qua hàng lá me non của bệnh viện Đồn Đất ướp một khoảng sáng xanh dịu và tôi có ý nghĩ là qua khung cửa ấy linh hồn của bố tôi đã thanh thoát bay lên. Tôi không biết ở trong mơ hay trong hồi tưởng tôi cảm giác con tàu rùng mình vì lạnh trong đêm tôi mơ màng kéo cái chăn bông lên cằm và ở khóe mắt tôi ngọn đèn duy nhất trong phòng lung linh ngọn nến cháy trên mặt quan tài.

Thi sĩ bước vào phòng. Ông mặc bộ đồ vét màu trắng ngà, cà-vạt đen, người cao gầy, gương mặt xanh xao. Chúng tôi mặc đồ đại tang. Anh Thạch khẽ hích tay và nói rất nhỏ vào tai tôi: "Thầy *Vũ*

Hoàng Chương". Căn phòng đầy chật người. Mùi hương trầm mặc. Trong cơn mê dại mẹ tôi chắp tay tụng kinh trước quan tài bố tôi. Đó là buổi sáng ngày mười ba tháng bẩy năm một chín sáu ba. Cả một thành phố Sài Gòn ngưng lại nín thở chờ đợi giờ khởi hành của đám tang sẽ cử hành ngay sau khóa lễ.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương lách qua đám đông người tiến đến giữa phòng. Ông vắt cánh tay trái lên trán rồi gục đầu xuống quan tài. Ông lịm xuống rất lâu. Vai ông không rung. Tôi biết ông không khóc. Nhưng khuôn mặt xanh xao của ông toát một vẻ trầm lắng.
Bàn tay phải của ông xòe rộng ve vuốt lên trên mặt gỗ. Rồi bất thần những ngón tay gầy xương của ông cụm lại, nắm chặt.
Ông bắt đầu *gõ bàn tay gân guốc lên trên quan tài*.
Cạch! Ngừng lại. *Cạch cạch*! Ngừng lại hồi lâu. *Cạch! Cạch! Cạch! Cạch!* Sau đó liên tiếp ba tiếng gõ.

Phải rất nhiều năm sau này tôi mới liên hệ tiếng gõ ấy của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với câu đối thời danh của ông và tôi tự hỏi phải chăng trong lúc gõ trên mặt quan tài bố tôi ông đã nạo hết tâm can sáng tác đôi câu đối chữ Hán bất hủ:

Sổ thập niên bút mặc thành danh; nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.
Song thất dạ vân tiêu lạc phượng; tiên phong hóa, hậu văn hóa, ư trung lập ngôn.

(Chuyến tàu trong đêm **-** Nguyễn Tường Thiết)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Đèo cao thì mặc đèo cao.
Nếu đèo cao quá ta đi đường vòng.

Thuở mơ làm văn sĩ

Quán cà phê Gió Bắc ở đường Phan Đình Phùng đông đảo, quán là một căn nhà mặt tiền xinh xinh, ấm cúng những chiếc ghế đẩu, bàn thấp sơn trắng. Có bóng dáng thấp thoáng một tiểu thư khá xinh, lứa tuổi chúng tôi, sua màn cửa màu xanh lơ. Mái tóc mây luôn bỏ sau lưng, kẹp hờ hững bằng chiếc kẹp inox bóng loáng, đôi khi là một chiếc nơ màu tím, theo kiểu để tóc thề gái Hà Nội. Khuôn mặt trái xoan trắng ngần, mũi dọc dừa, miệng tươi như đoá phượng vĩ, đôi mắt bồ câu trong sáng.

Khi chúng tôi vào quán, nhiều "cây si" choai choai đã có mặt. Nhà triết nhân kiêm thi sĩ mái tóc "bòng bềnh mây khói" cùng trường tôi, mắt lơ đãng sau cặp kính trắng cắm cúi trên trang sách đặc kịt chữ Tây. Cái dáng ngồi thì "thời thượng" coi ngứa cả mắt.

Cô chủ mang hai ly cà phê ra, mùi cà phê thơm mùi bơ Bretel. Tiếng hát từ máy hát cũ phát ra tình tứ càng làm không khí trong quán thêm thơ mộng. Thơ mộng như chính lời nhạc của nhạc sĩ Hoàng Dương trong bài hát hướng về Hà Nội "Hà Nội ơi...nhớ về thành phố xa xôi. Ánh đèn giăng mắc muôn nơi....Áo màu tung gió chơi vơi.....".

Tiếng hát êm dịu và nhắc nhở nhiều đến nơi chốn chúng tôi đã được sinh ra và lớn lên nhưng chưa trọn vẹn tuổi hoa niên. Từng con đường, từng góc phố, những buổi chiều Hà Nội, Hồ Hoàn Kiếm, tất cả những hình ảnh ấy hiển hiện trong đầu chúng tôi. Chúng tôi mới xa Hà Nội mấy năm trời không thể mỗi lúc quên ngay được. Cả quán cà phê đều im lặng lắng nghe. Hình ảnh cô Ngọc, cô con gái chủ quán dù bây giờ mặc áo bà ba phin nõn vẫn còn dáng dấp gái Hà Nội, mái tóc thề buông lơi.....
(Nguyễn Thụy Long)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Anh biết ngày mai em lấy chồng.
Ba năm…sống thử thế là xong

Ngọc Thứ Lang với chữ nghĩa

Những năm 70 anh viết cho tuần san Thứ Tư của Nguyễn Đức Nhuận và nhiều báo khác với bút hiệu Ngọc Thứ Lang. Khi Nguyễn Đức Nhuận đưa cuốn *The Godfather* cho Ngọc Thứ Lang dịch, anh đã chọn tên *Bố Già* cho bản dịch. Và cuốn sách trở thành tác phẩm ăn khách của Sài Gòn những năm 71, 72.

Năm 1976, anh bị bắt đi "phục hồi nhân phẩm" trên Bình Triệu. Trung tâm cai ma túy nằm trong toà nhà Tu viện Fatima. Một nữ ký giả ngoại quốc đến thăm Trung Tâm ngạc nhiên khi biết *Nguyễn Ngọc Tú*, một con người thân tàn ma dại đang đứng trước mặt mình là dịch giả cuốn *The Godfather* của Mario Puzo. Cô nhà báo không tin. Và anh được phép về Sài Gòn mang cuốn sách dịch lên Trung Tâm cho cô ký giả thấy là thật.
Người ta còn nhớ khi cuốn tiểu thuyết viết về tổ chức Mafia ở Hoa Kỳ của Mario Puzo được Ngọc Thứ Lang chuyển ngữ năm 1972 dưới tên *Bố Già* thì lập tức, như tác phẩm nguyên bản của nó, *Bố Già* trở thành cuốn sách ăn khách nhất thời bấy giờ, mặc dù đó là thời điểm mà cuộc chiến Việt Nam đang bước vào những giây phút ác liệt nhất, thời Phan Nhật Nam viết *Mùa Hè Đỏ Lửa.*

Người Sài Gòn rất mê cuốn tiểu thuyết *Bố Già*, và chờ đợi xem cuốn phim thực hiện theo tác phẩm này, thế nhưng cho đến năm 1975, *chưa người Sài Gòn nào được xem phim Bố Già do Marlon Brando đóng vai Don Corleone*. Cuốn phim ấy đã đi qua và mãi hơn 20 năm sau người Sài Gòn mới được xem *Bố Già*.

Với Mario Puzo, sau *Bố Già* ông vẫn không ngừng viết. Năm 1996, ông viết *The Last Don* - Bố Già Cuối Cùng, nhưng không mấy ăn khách, và tác phẩm sau chót của ông *Omerta* - Luật Kín Miệng được ấn hành năm 2000, cuốn sách mà tác giả không còn cơ hội nhìn thấy mặt mũi đứa con út tinh thần của mình. Cả hai cuốn sách của cùng tác giả Mario Puzo cũng không còn sức lôi cuốn như *The Godfather*.

(Nguyễn Xuân Hòang)

Những ca từ khó hiểu trong nhạc Trịnh Công Sơn

Có một dòng sông đã qua đời

Bài hát này, Trịnh Công Sơn đã nhân cách hóa "một dòng sông" và cho nó qua đời luôn. Có lẽ bạn sẽ thắc mắc: Dòng sông sau khi qua đời thì nó sẽ trông như thế nào?

Trịnh Công Sơn giải thích: "Hôm đó mình ở Đà Lạt đi qua cầu, bắt Hồ Xuân Hương thì *gặp người tình cũ đi với người yêu* qua cầu. Mình nhìn thấy. mình cảm thấy sự mất mát quá lớn trong cuộc đời này…Bên cạnh đó khi đi qua cây cầu mình nhìn xuống thấy dòng nước chảy, mình nghĩ *không chỉ mất người đó thôi mà mất cả dòng sông, dòng nước… mất hết cả.* Cho nên cái mất mát tưởng là nhỏ nhưng cuối cùng lại lớn.

Cho nên *có một dòng sông đã qua đời* không phải chỉ là mình ví von người tình của mình là dòng sông, nhưng mà nàng đi qua một dòng sông, và mình mất nàng và *mất luôn dòng sông*.

Lúc đó dòng sông nó không còn ý nghĩa gì nữa, trước đó đẹp vô cùng tận nhưng mà từ phút đó trở đi thì không có ý nghĩa gì cả. Nó cũng là mang đến cho mình một nỗi buồn giống như sự mất mát kia. Cho nên vì vậy mới có bài *có một dòng sông đã qua đời*.

Mình nghĩ như thế này, khi ta đi qua một nơi trốn nào đó, tình cờ bạn đi qua một cái núi, bạn gặp người tình của bạn cùng đi với một người khác, thì *cái núi đó cũng qua đời rồi* chứ không phải *dòng sông đã qua đời, núi cũng qua đời luôn*".

(Đông Kha)

173 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phóng sự và tuỳ bút

Tùy bút có nghĩa tùy hứng mà phóng bút, là loại văn rất phóng khoáng. Tâm viên ý mã, lan man theo dòng tư tưởng tiện gì viết nấy, tùy suy nghĩ mà giãi bày tâm tình.
Ý nghĩ và sự tưởng tượng miên man theo ngòi bút từ việc này lan sang chuyện khác nhẹ nhàng như làn gió thoảng, như mây trời lang thang. Một buổi chiều mưa, sương mù trên sông nước, một nơi chốn kỷ niệm, sự hối hận ray rứt hay nỗi nhớ khôn nguôi...bất kỳ cảnh vật, sự việc hay rung động của tâm hồn cũng có thể trở thành đề tài cho tùy bút.

Tùy bút có chiều dài như truyện ngắn, trong cả hai, vết tích việc làm văn biến đi mất hút trong cái tương đối và trừu tượng. Truyện ngắn cần có *một câu chuyện được cấu tạo cẩn thận và thuần nhất,* nhưng tùy bút không cần, nó gần như *truyện không có chuyện của Katherine Mansfield*. Tùy bút tuy khác nhưng rất gần gũi với truyện ngắn và thơ. *Gần với truyện ngắn ở chỗ chữ nghĩa cô đọng, đãi lọc khó khăn* như lối chọn từ trong thơ. Gần với thơ vì văn tùy bút mang nhiều chất thơ và có âm điệu như thơ.

Tùy bút không phải là ký sự, truyện ký hay bút ký.
Trong tùy bút có sự việc, có thực tại giống như ký sự, nhưng lại không lý đến yếu tố thời gian. Ghi chép sự việc là điều không quan trọng với tùy bút, nó không nhằm ghi nhận thực tại mà cũng chẳng cần đi sát với thực tại. Tùy bút không phải là phiếm luận. Nó có những lý luận như phiếm nhưng là tùy hứng mà suy luận, không nhằm chủ ý biện luận.
Tóm lại, *tùy bút kết hợp mỗi thứ một chút của thể phiếm, bút ký, truyện ký, tạp ký, tạp bút, tạp luận, ký sự, truyện ngắn và thơ.*

Tùy bút phóng túng như thế nên tưởng dễ viết, ngược lại, *tùy bút khó viết nhất trong các loại văn xuôi.* Chọn viết tùy bút là việc làm phiêu lưu của nhà văn bởi chỉ có hai mặt: thành công hay thất bại. Tùy bút không có cốt truyện nên phải viết sao cho hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, phải tự nhiên, có duyên và ý vị. Quan trọng hơn cả, tùy bút phải có nghệ thuật cao, *truyện ngắn hoặc truyện dài không hay thì vẫn là tiểu thuyết, thơ dở vẫn là thi ca, còn tùy bút thiếu nghệ thuật thì không còn là tùy bút*, cũng ví *như phở không có mùi phở*.

Đó là lý do tại sao người viết tùy bút nước ta không nhiều.

(Trần Bích San)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Bước tới nhà em bóng xế tà.
Đặt chân vào ngõ má em la.
Lom khom dưới bếp cha tìm rựa.
Thấp thoáng xa xa bóng chổi chà.

Giai thoại làng văn

Nhà thơ Hữu Loan, lần gặp mặt - 1

Một ngày gặp gỡ. Bữa trưa uống một trận bia. Chiều đưa ông thăm chơi đó đây. Buổi tối ghé một quán vườn, rất đông anh em.
Sáng hôm sau ông ghé tôi. Chúng tôi cùng uống cà phê, ăn sáng. Nhà tôi ngay đường Nguyễn Huệ nên nhà hàng Givral cũng gần. Xem thực đơn, ông nói: "Tôi không biết gọi gì, anh gọi dùm". Tôi gọi cho ông ly cà phê sữa, bánh mì vuông, một đĩa thịt nguội, patê, xúc xích. Lúc này tôi cũng đang túng thiếu, nhưng tiếp ống phải "bề thế" tí chút. Chẳng lẽ mấy mươi năm ông nhai củ mì ngoài Bắc, giờ này tôi mời ông mấy củ khoai lang trộn bo bo!

Tôi nhường ông ngồi ghế bên trong, nhìn ra đường, quang cảnh góc đại lộ Lê Lợi và Tự Do. "Sài Gòn nó to rộng thế đấy". Bên kia là Continental khách sạn thuộc loại cổ nhất Sài Gòn, nhà Hát Tây, khách sạn Caravelle. Ông mãi nhìn cảnh đẹp bên ngoài, lại nhìn đĩa thịt nguội. Chừng không muốn ăn. Tôi giục ông ăn chút gì kẻo đói bụng. Ông nói: "Anh cho tôi *nhìn một hồi đã. Bao nhiêu năm tôi mới thấy cái món lạ lùng này*".

Nhìn ông, tôi lại nhớ nước mắt của ông buổi sáng hôm qua. Lúc trò chuyện, tôi nói nhỏ với Thúy V. "Em nên ngâm bài Màu Tím Hoa Sim của chính Hữu Loan để tặng ông". Trong quán có cây đàn ghi-ta. Vũ D. đệm đàn. Tô Kiều Ngân rút cây sáo trúc "nhà nghề", dìu giọng ngâm thơ. Giọng Thúy V. mượt mà, khá trử tình. Nghe ngâm thơ của mình, từ mấy mươi năm bị chế độ cấm hát trên đất Bắc, Hữu Loan ngậm ngùi. Bất ngờ ông bật tiếng khóc.
Khuôn mặt như một phiến đá chỗ lòng suối cạn. Khó lòng thấm nước. Nhưng những hạt trong vắt cứ trôi xuống má. Ông có vẻ sờ soạng. Một bàn tay thò vào túi. Không có gì.

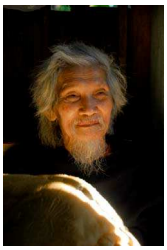

Hai bàn tay thô tháp chỉ run run, ông kéo cái chéo áo ka-ki màu chàm, vải nhám, chừng cũng bẩn do mặc lâu ngày, đưa lên lau nước mắt. Từ lâu, ông không có khăn tay. Nghe rằng lúc đẽo đá, những khi lao động cực nhọc, ông chỉ có một tấm áo cũ, rách không còn dùng được nữa, giờ dùng làm tấm khăn quàng vai, để lau "cái suối mồ hôi thân mình".

(Cung Tích Biền)

Xoay hòn đất

Có một anh,
Biếng lười như hủi.
Cờ bạc như tinh,
Rượu chè như quỉ.
Trai gái như ranh.

(Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu)

Giai thoại làng văn

Nhà thơ Hữu Loan, lần gặp mặt - 2

Những giọt nước mắt hiếm hoi ấy, là của ai vậy?
Là của một người từng tham gia cách mạng rất sớm. Mặt trận Bình dân 1936. Phong trào Việt Minh từ 1943. Là, anh bộ đội trong Đại đoàn 304. Về Hà Nội 1954, đất nước tuy chia đôi, nhưng buổi ấy là thời ngưng tiếng súng đôi bên, Hữu Loan lại cầm but, tại báo Văn Nghệ.

Là ai khóc vậy? Là tác giả một bài thơ khá nổi tiếng. Ngay trên đất Bắc, nơi tác giả của nó đang dâng cả một đời mình cho dân tộc, đang tận tụy phục vụ, thì bài thơ ấy bị cấm hát, cấm lưu hành dưới bất cứ hình thức nào. Lý do, một tác phẩm tiêu cực, ủy mị, thiếu tính chiến đấu, chẳng hồng không chuyên.

***

Lại lạ lùng, ngay tại miền Nam, đất thù của phương Bắc, bài thơ được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc qua nhiều tựa đề khác nhau, năm này tháng khác. Dzũng Chinh [Những đồi hoa sim], Phạm Duy [Áo anh sứt chỉ đường tà], Anh Bằng [Chuyện hoa sim]. Duy Khánh - Song Ngọc [Màu tím hoa sim], Thu Hồ [Tím cả rừng chiều]…
Lịch sử, Người nước tôi, như tự sơ nguyên đã cài lắp những triền miên nội tình thù nghịch lẫn nhau, chẳng phép màu nào có thể hòa/hóa giải. Cho tới nay, vẫn là một chờ đợi khó khăn: "Giờ phán xét cuối cùng".

Nhà thơ Hữu Loan qua đời vào tháng 3 năm 2010 tại quê nhà, hưởng thọ 94 tuổi.
Phùng Quán ra đi ngày 22-1 năm 1995.
Trần Dần mất ngày 17 tháng 1 năm 1997.
Cùng những ngày của mùa xuân. Phan Khôi, Văn Cao, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, và nhiều nữa...những thành phần trụ cột của "Đi Tìm tự do tư tưởng, đòi hỏi nhân quyền", là đỉnh cao của văn hóa, cội nguồn, nay đã ra người thiên cổ.

Thiên cổ, là bên kia của hiện thực bên này ư? Bên kia, ai có nhớ về.
Hoài niệm, bảo tôi nghĩ và viết những dòng này.

(Bến Nghé, 1987 - Cung Tích Biền)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Giữa đường nhặt cánh hoa rơi.
Lượm lên phủi phủi: "Cũ người mới ta".

Chữ nghĩa làng văn

Quang Dũng ở Phùng, ít ai hay ông là người Hà Đông hay Sơn Tây, theo Phan Lạc Tiếp với *Bốn mươi năm trở lại*…
(…) Quang Dũng vẫn được biết đến là một nhà thơ Sơn Tây. Anh đã mang hình ảnh của Sơn Tây vào đầy ắp những thi phẩm của mình. "Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn. Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng ...". Nhưng thực ra quê hương Quang Dũng ở huyện Đan Phượng, mặc dầu thuộc tỉnh Hà Đông, nhưng lại là nơi giáp ranh với Sơn Tây (…)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Cá không ăn muối cá ươn.
Thịt không tủ lạnh ba ngày thịt hư.

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Phù Thăng

Một trong các nhà văn bị "tai nạn nghề nghiệp" nặng nhất phải kể đến nhà văn Phù Thăng, tên thật là Nguyễn Trọng Phu.

Năm 1961, Phù Thăng viết tiểu thuyết Phá vây dầy 500 trang, kể chuyện một tiểu đoàn trinh sát mở trận đánh giải vây cho đồng đội. Không may trong sách có đôi câu phát biểu bị coi là "hòa bình chủ nghĩa" khi ông cho rằng dù nhìn ở góc độ nào chiến tranh cũng không phải là điều tốt đẹp.
Mấy năm sau, nghe nói Phù Thăng viết truyện cực ngắn có tên *"Hạt thóc"* kể về một gã tâm thần, từng là nhà văn, rồi chẳng biết do ngộ chữ sao đó, gã đâm ra lẩn thẩn, cứ nghĩ *mình là hạt thóc hễ trông thấy gà qué ở đâu* là…*co cẳng chạy*.

Khi nghe tin "Chân dung nhà văn" ra đời, Phù Thăng lo cho Xuân Sách, đã gửi thư cho ông: "Mình chưa được đọc nó, nên không biết phải nghĩ thế nào trước dư luận khen chê hiện nay, nhưng vì tôi là bạn từ thuở hàn vi, đã cùng ông trải bao điều cay đắng nên không thể "mũ ni che tai" được. Tôi thực sự lo ngại cho những ngày còn lại trên cuộc đời bão giông trong lúc lưng ông đã còng, chân ông đã mỏi, mà tôi không biết phải làm gì cho bạn trong hoàn cảnh *"ốc còn chưa mang nổi mình ốc".*

Và Xuân Sách trả lời: "Từ khi cái "của quí" của tôi ra đời, tôi đã nhận được nhiều thư từ, nhiều bạn cũ bạn mới đến thăm, nhiều cuộc gặp gỡ nhưng khi nhận thư ông tôi thực sự xúc động. Nói cho cùng đời vẫn đáng sống ông ạ. Dĩ nhiên so với ông tôi có khấm khá hơn, điều đó làm tôi càng thương ông".

Và Xuân Sách thương Phù Thăng qua "chân dung":
"Chuyện kể cho người mẹ nghe
Biển lửa bốc cháy bốn bề tan hoang
Đứa con nuôi của trung đoàn
Phá vây xong lại chết mòn trong vây"

(Nhật Tuấn)

Động trung xuân

Ông người làng Động Trung, Thái Bình, mở tiệc mừng thọ. Có người đem lại tặng bức hoành khắc ba chữ: *Động trung xuân*
Chủ nhân treo lên được vài hôm, bỗng bảo gia đình đem xuống đem chẻ ra thành củi. Thì ra Động trung xuân, tuy có nghĩa làng Động trung vẻ xuân tươi tốt mãi, thật hợp với lời chúc thọ, nhưng trong bài thơ Thiên Thai có câu:
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt
Thần thần *khuyển phệ* động trung xuân

Thì ba chữ động trung xuân đứng sau hai chữ khuyên phệ. Chủ nhân trước kia đã từng mở *cửa hàng "mộc tồn",* nay bị móc cái sự mình vẫn muốn quên đi từ lâu.

(Chơi chữ - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc)

Rượu trong văn học

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ. Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhuốm mùi men rượu là thế.
Nguyễn Khuyến thường mượn rượu nói dùm mình:
Lúc hứng đánh thêm ba chén rượu
Khi buồn ngâm láo một câu thơ

(Lão cảm)

Chén chú chén anh chén tôi chén bác
Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu
(Hỏi ông phỗng đá)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Văn hoá ẩm thực: Xí quách

Hồi mới du nhập Việt Nam, xí quách chỉ là xương heo, nhưng sau xương bò, xương gì gì cũng được kêu tuốt là xí quách. Xương heo để nấu nước lèo hủ tiếu (phở dùng xương bò).
Xí quách là gì? Đơn giản là *trư cốt*. (giọng Quảng Đông)

(Ngã thuật nhi bất tác - KT)

Nhớ Sài Gòn, chốn cũ đường xưa
Tân Định & Đa Kao những ngày xưa cũ

Mời các bạn cùng tôi tìm về những con đường kỷ niệm của khu Tân Định và Đa Kao với những bồi hồi, rung động khó quên của thời niên thiếu và không bao giờ phôi pha, dù năm tháng có qua đi. Trước hết, xin bắt đầu là *Cầu Kiệu* với con đường *Hai Bà Trưng* đi về phía Sài Gòn.

(đường Trần Quang Khải)

Quẹo trái ở ngã ba là đường *Trần Quang Khải*. Con đường nhỏ dẫn vô hẻm có tiệm bánh cuốn Thanh Trì ngay đầu ngõ.

Rồi tới trường Văn Lang số 51 Trần Quí Khoách do thầy Ngô Duy Cầu làm hiệu trưởng. Thầy mất đúng ngày 30/4/1975. Đối diện trường Văn Lang là Cư Xá Kiến Ốc Cục Tân Định. Đi vào phía trong là chùa Vạn Thọ và một số chùa nhỏ khác. Nhìn sang bên đường là trường Trung Học Tân Thạnh của thầy Phan Út.

(Trần Đình Phước)

Giai thoại làng văn xóm chữ
Xanh vàng đỏ tía

Tối ba mươi, vua Lê Thánh Tông (1442-1497) giả làm người học trò, đi chơi xem các câu đối ở phố phường . Chợt qua cửa nhà *một người đàn bà làm nghề thợ nhuộm*, thấy không có câu đối, nhà vua lấy làm lạ ghé vào hỏi. Người đàn bà bảo là góa chồng, con trai đi học xa; nhà vua liền bảo lấy giấy bút và viết hộ một đôi câu đối như sau :
Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ
Triều trung chu tử tổng ngô gia (1)

Dịch :
Xanh vàng thiên hạ đều tay tớ
Đỏ tía triều đình bởi cửa ta

Mấy ngày sau, ông thượng thư họ Lương (2) đi chầu qua nhà thợ nhuộm thấy câu đối có khẩu khí như vậy thì hoảng hốt vô cùng. Vào triều, ông ta vội vã tâu ngay với vua rằng nhà nọ có ý muốn làm bá chủ thiên hạ, cần phải cho người dò xét. Lê Thánh Tông phì cười và nhận câu đối đó là do chính tay mình viết hộ, làm cho ông thượng họ Lương bị một phen tưng hửng.

(1) Có sách ghi tác giả 2 câu đối này là vua Thiệu Trị và hơi khác :
Thiên địa huyền hoàng đô ngã thủ
Triều đình chu tử tổng ngô môn
(Đen trời, vàng đất nhờ tay mỗ,
Mũ tía, xiêm điều chật cửa ta)
(2) Cũng có lẽ là Lương Thế Vinh, người Vụ Bản, Nam Định, đỗ trạng nguyên đời Quang Thuận (1463).

Thành ngữ tục ngữ sai

Chùa nát nhưng có Bụt vàng, tuy rằng miếu đổ thành hoàng còn thiêng
Quan hệ trong gia đình dòng tộc, mất người này còn người khác, mất cha còn mẹ, mất anh còn em. Khẳng định dòng tộc gia đình mãi mãi tồn tại.

Câu này, Nguyễn Cừ đã lạc đề. Xin tham khảo một số dị bản: *Đất sỏi có chạch vàng - Chùa đổ có Phật vàng - Chùa rách có Bụt vàng - Chùa rách Phật vàng - Chùa đất Phật vàng*, v…v… Với nghĩa: *Nơi nghèo nàn, khó khăn lại nảy sinh người tốt, của quý.*

(Hoàng Tuấn Công)

Câu đố dân gian

Vừa bằng bắp tay
Thay lay giữa háng
Đến ngày đến tháng
Lông lá mọc dầy.
(bắp ngô)

(Lê Xuân Quang – Câu đố xưa...câu đối nay)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

tự lực cánh sinh 自力更生

Ở đây đã xẩy ra hiện tượng biến âm, chữ *canh* 更 (nghĩa là thay đổi) đã được đọc là *cánh*. Soạn giả đã không biết điều đó nên cứ điềm nhiên giải thích vu vơ rằng, cánh nghĩa là lần lượt.
Đây vốn là một câu của Tàu, kêu gọi "hãy tự gắng sức thay đổi cuộc sống cho mình, hãy dùng sức của mình đểtự giải quyết mọi vấn đề của mình".

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó

Cái tỉn: đồ đựng bằng sành, *giống cái hũ mà trịch miệng*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"sè: sập *sè*: không viết: *xè*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

"Xập xè" ít dùng, viết chuẩn là "xập *xoè*" (*xập* lại *xoè* ra).

(Hòang Tuấn Công)

Chữ là nghĩa

Đông chí: *ngày ngắn nhất, đêm dài nhất* giữa mùa đông
Hạ chí: *ngày dài nhất, đêm ngắn nhất* giữa mùa hạ

Thu phân: *ngày đêm bằng nhau* giữa mùa thu
Xuân phân: *ngày đêm bằng nhau* giữa mùa xuân

Lập đông, lập xuân: *đầu mùa*

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"si: nguyên *si*. → không viết: *xi*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết "xi" mới đúng. Vì "xi" [cire] gốc Pháp, có nghĩa chất làm bằng cánh kiến pha tinh dầu, dùng để niêm phong bao, túi, gắn kín nút chai, v.v. *Xi gắn nút chai. ~ Đóng dấu xi"*.

(Hòang Tuấn Công)

Thành ngữ tục ngữ

Gió táp mưa sa

Thành ngữ này có 2 nghĩa : nghĩa hẹp chỉ sự vất vả ở đời.
Nhưng trong văn học, gió táp mưa sa lại dùng để chỉ người có tài làm thơ, tứ thơ đều nhanh như gió mưa do câu phong vũ thôi thi tứ (tứ thơ đẩy đến ào ạt như gió mưa).

Tay tiên gió táp mưa sa
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu
(Truyện Kiều)

Từ điển chính tả sai lỗi…chính tả

"siếc: siếc *sẫm*". (Gs Nguyễn Văn Khang)

Viết chuẩn là "siếc *sẩm*".

(Hòang Tuấn Công)

Thành ngữ tục ngữ

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài, dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An *Ca tụng các cô gái Hà thành kinh đô thanh tao, lịch sự*.

Thực ra, câu này ca ngợi, khẳng định "chất" thanh lịch của *người Tràng An* (Kinh đô) chứ không chỉ riêng các *"cô gái Hà thành".*

Văn bút, nhân sự và sự kiện

Những gương mặt tiêu biểu

Chủ tịch Văn Bút cho tới *tháng tư 1975 là LM. Thanh Lãng,* một người ôn tồn, điềm đạm, thanh nhã, cởi mở và cũng hơi diêm dúa. Ông luôn luôn bận áo chùng thâm có cổ cồn trắng và hút thuốc lá Craven A.

Với ông, tôi có nhiều kỷ niệm đáng ghi nhớ.
Một lần, tôi theo ông đi dự đám tang của Nhất Linh ở nghĩa trang Giác Minh, ngày 13-7-1963. Hôm đó công an, mật vụ của chính quyền len lỏi vào đám tang rất đông. Họ vây quanh đám ký giả và nha6n sự không phải là người nhà của tang chủ. Nhờ bộ áo chùng thâm của LM Thanh Lãng mà tôi (Nhật Tiến) theo vào được nghĩa trang, trong khi một vài hội viên khác thì bị cản trở, rớt lại.

Hôm đó, ngoài những nghi thức tụng kinh, khấn lễ thông thường, đã có 3 phần phát biểu ngoại lệ thay cho điếu văn tiễn biệt là của Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, đại diện chính giới, Linh mục Thanh Lãng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam và tôi, nhân danh thuộc thành phần văn nghệ sĩ trẻ.

Khi ở đám táng ra, đối diện với rất đông thành phần an ninh, trật tự đang xô đẩy đám phóng viên ngoại quốc cứ sấn lại tính phỏng vấn chúng tôi, LM Thanh Lãng kéo tay tôi đi về chỗ đậu xe của mình. Trên xe, lúc cầm lái, ông nói nhỏ nhẹ:
- Liệu lánh mặt đi vài bữa, kẻo phiền.
Tôi đã nghe lời ông. Ngay hôm đó, tôi vẫn để cái xe hơi con cóc tại ngay trước cửa nhà đường Phan Kế Bính và mau mắn đi tuốt xuống Biên Hòa, tạm cư ngụ ở nhà anh bạn.

Sau biến cố 30-4-1975, tuy còn đang làm trưởng ban Văn chương Quốc âm ở đại học Văn Khoa Sài Gòn nhưng chắc sinh hoạt ở đó cũng nhiều trò nhố nhăng lắm nên ông không muốn về trường nữa mà đi *làm tàu hủ ở một hợp tác xã trong ngã tư Bẩy Hiền.* Thỉnh thoảng trên đường đạp xe từ hợp tác xã trở về nhà (ông ở ngay con hẻm đi vào trường Lê Bảo Tịnh, đường Trương Minh Giảng cách nhà tôi độ non cây số), ông hay ghé qua nhà tôi để cho mấy bìa đậu hủ mới ra lò, cầm lên thấy vẫn còn nóng hổi.

Như vậy dư luận sau này (Viên Linh) lên án ông là một kẻ nằm vùng là hoàn toàn sai lạc. Vì nếu là kẻ nằm vùng thì sau 30-4, là một linh mục, một giáo sư đại học, ông đâu có đi làm đậu hủ!

(Trung tâm Văn bút Việt Nam 1957-1975 - Nhật Tiến)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn phở chiên giòn Khâm Thiên.

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Nhà văn Nhất Linh với những ấn tích

Tôi với chiếc va ly nhỏ ôm bố tôi, mẹ tôi và chị Thư vào lòng. Năm 1989 nghe tin nhà nước sắp giải tỏa các nghĩa trang ở Hạnh Thông Tây, Gia Định, anh Thạch tôi lúc ấy là người duy nhất

trong gia đình còn ở lại Việt Nam đã làm lễ hỏa táng hài cốt bố tôi và chị Thư đưa tro về thờ ở chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu Sài Gòn. Cùng thời gian ấy di cốt của bà Nội tôi, bác Thụy, anh Hướng, chú Hoàn và thím Long cũng được bác Mai, Tuấn (Duy Lam) và Minh Thu đưa về chùa Kim Cương.

***

Hai mươi năm về trước vào tháng Tư năm 1981 anh Việt từ Pháp trở về Việt Nam dìu mẹ tôi lên máy bay sang Paris chữa bệnh. Hai mươi năm sau cũng vào tháng Tư anh lại ngồi trên máy bay trở về Sài Gòn nhưng lần này tay anh ôm bình tro người mẹ. Từ nước Mỹ tôi về Việt Nam trước. Tôi đón anh Việt và chị Thoa ở phi trường Tân Sơn Nhất rồi đưa thẳng di cốt mẹ chúng tôi đến chùa Kim Cương gửi tạm.

Nơi đây lần đầu tiên bà gặp lại bố tôi sau 38 năm ly biệt. Mẹ tôi cũng "đoàn tụ" với những người thân mà trước đây chính bà đã tiễn họ đến nghĩa trang chùa Giác Minh với rất nhiều nước mắt của bà, xa nhất là bà Nội tôi và gần nhất là chị Thư. Mẹ tôi không lưu ở chùa Kim Cương lâu. *Sáng hôm nay bà đi theo bố tôi lên chuyến tàu xuyên Việt về quê chồng ở Quảng Nam*, có người chị cả của tôi đi theo. Tuy là đất quê chồng nhưng Hội An nơi ấy bà gần gũi còn hơn bố tôi gần gũi. Trong suốt ba thập niên do công việc mua bán cau khô mẹ tôi đã gắn bó với miền đất này như một mảnh đời thân thương của mình. Từ miền đất lạnh lẽo phương trời tây ngàn trùng xa cách mẹ tôi hôm nay trở về chốn cũ, bên chồng bên con. Tôi đặt tay lên va ly nắn chỗ phồng lên của ba bình tro và nghĩ tới chuyến tàu đi về miền an nghỉ sau cùng của song thân tôi như một chuyến trăng mật thứ hai của người.

(Chuyến tàu trong đêm **-** Nguyễn Tường Thiết)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Thân em như giẻ lau nhà
Thân anh như cái sàn nhà em lau

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Chu Tử, nhà văn chết đầu nước

Trong giới văn nghệ sĩ, 30 Tháng Tư mở đầu bằng một cái tang, cái tang đúng ngày 30 Tháng Tư: đó là cái chết của nhà văn Chu Tử. Đúng 58 năm trước, anh ra đời cũng vào Tháng Tư, ngày 17

(Nhà văn Chu Tử 17-4-1917 - 30-4-1975)

Là nhà văn, đặc điểm của tiểu thuyết Chu Tử là cuốn nào nhan đề cũng chỉ có một chữ: *Yêu, Sống, Ghen, Loạn...* Làm nhật báo, ngay từ tờ báo Sống đầu tiên, ông mở ra mục Ao Thả Vịt gây sóng gió với tin hỏa mù. Từng học Luật, từng ngồi xử án với Toà án Kháng chiến, có lẽ do đó ông không sợ khi phải đương đầu.

Vào ngày 16 Tháng Tư 1966, nhà văn Chu Tử bị ám sát bằng 4 viên đạn xuyên qua cổ, răng, miệng, nhưng đã không chết, có thể vì đối với ông, đạn súng lục quá nhỏ. 9 năm sau, 30-4-1975, ông chết vì một viên đạn lớn hơn, một viên B40 từ bờ bắn lên tàu Việt Nam Thương Tín, khi con tàu này đang từ sông Lòng Tảo, Vũng Tàu, chạy ra khơi.

(Viên Linh)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời gái chảnh lại thương trai nghèo

Thuở mơ làm văn sĩ

Ở góc quán, một gã choai choai *mặt rỗ, gầy gò đang say sưa thổi tiêu,* hoà nhịp cùng lời ca trong đĩa nhạc. Đôi mắt gã khép hờ, những ngón tay điêu luyện láy lia qua lỗ tiêu, ống tiêu trúc đẹp lên nước vàng óng. Cả quán im lặng lắng nghe cho đến dứt bản nhạc, có vài tiếng vỗ tay lốp bốp tán thưởng.
Một bản nhạc khác nổi lên, nhưng hình như chẳng có ai chú ý, họ lại nói chuyện riêng, có bàn đọc thơ nho nhỏ cho nhau nghe. Anh bạn triết gia kiêm thi sĩ ngồi một mình, thái độ ra vẻ mệt mỏi chán chường. Riêng tôi thì để ý đến *anh bạn mặt rỗ thổi tiêu*.
Tôi khẽ hỏi Lê Đình Điểu:
- Nhân vật nào đó bạn ?
- Thi sĩ *Hoài Nam*, bạn không biết à ?

Lê Đình Điểu tỏ ra hiểu biết, giải thích với tôi.
- Hắn di cư vào đây một mình, một thi sĩ có tài, thơ anh ta đăng rất nhiều trên các báo, chẳng được xu teng nào hết, vẫn phải sống bằng *nghề bán báo và bỏ báo tư gia*, vẫn đi học, học hành có vẻ bấp bênh lắm. nhưng nghe nói hắn thông minh tuyệt vời, học gì chỉ thoáng cái là hiểu...hiện đang trại học sinh Phú Thọ.

Tôi nhìn sang anh bạn mặt rỗ mỉm cười thân thiện. Hoài Nam cười lại với tôi. Thế là tôi có thêm một người bạn, tôi mời anh bạn sang ngồi cùng bàn. Trong câu chuyện, tôi nhận xét Hoài Nam có tật nói lắp (*cà lăm*)

(Nguyễn Thụy Long)

Những ca từ khó hiểu trong nhạc Trịnh Công Sơn

Cát Bụi
Trong bài Cát Bụi, nhạc sĩ họ Trịnh có cái câu này, chắc hẳn nhiều người nghe cho qua chứ không hiểu lắm ý nghĩa:
Ôi cát bụi phận này
Vết mực nào xóa bỏ không hay

Bà Đặng Tuyết Mai (vợ cũ của ông Nguyễn Cao Kỳ) trong một dịp gặp gỡ văn nghệ đã được Trịnh Công Sơn giải thích và mô tả sự khai sinh và khai tử (như được ghi lại trong bài hát "Cát bụi") ở trong các làng xã xa xôi ở miền quê Việt Nam là:
"Khi một đứa bé được sinh ra thì bố mẹ đứa trẻ báo cho làng xã biết. Người ta ghi tên đứa bé vào một cuốn sổ bằng *viết mực*… thế rồi khi đứa bé lớn lên sau lũy tre xanh, trưởng thành, già… nếu chết đi thì người nhà cũng báo cho làng xã biết; người ta cũng lấy *cái bút gạch tên người chết trong cuốn sổ đinh* này là *xong một đời người*."

Vì vậy mà sau khi một cuộc đời được chấm dứt câu *"Vết mực nào xóa bỏ không hay"* không phải là chuyện..."mông lung".

(Đông Kha)

Nhìn lại một số tạp chí miền Nam

Tạp chí *Văn* của chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng với tổng thư ký toa soạn Trần Phong Giao. Tờ Văn không tự đặt mình trước một chủ trương khai phá nào mà bước theo con đường tương đối gần với tạp chí *Bách Khoa*, chỉ có điểm khác là nghiêng hẳn về sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Tờ *Văn* cũng khác với *Sáng Tạo* và các tạp chí *Hiện Đại, Thế Kỷ 20* là tự lực cánh sinh chứ không có tài trợ từ chính quyền. Do đó, tờ Văn đã kéo dài tuổi thọ trong khi các tạp chí khác lần lượt gục ngã theo tạp chí *Sáng Tạo* chỉ sau một thời gian ngắn có mặt. Từ sau 1963, bên cạnh các tạp chí trên đã xuất hiện một loạt tạp chí được gọi là thể hiện tinh thần dấn thân, trong đó có các tờ *Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày, Đối Diện*...

(Hai mươi năm miền Nam 1955-1975 - Nguyễn Văn Lục)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Vai mang túi bạc tò tò
Chen qua lấn lại chỉ còn túi không

Đường văn ngõ chữ

Bút Tre và Bùi Giáng

(*Bò khát bia*, tranh của Bùi Giáng)

Thơ Bùi Giáng, theo Tô Hoài cũng là một thứ thơ Bút Tre. Tô Hoài biết rõ cả lai lịch Bút Tre.
Bút Tre tên thật là Đặng Văn Đăng, sáng tác trước cả Tô Hoài, ký tên *Lục Y Lang*, *Chàng áo xanh*, có bằng tú tài Tây. Bút Tre định lăng xê một kiểu thơ sử dụng rộng rãi enjambement, chứ không phải anh vô học làm thơ...

***

Có một giai thoại thơ Bút Tre liên quan đến nhà thơ Bùi Giáng khá thú vị đã được đồn đãi như sau:
Sau biến cố tháng tư năm 75, các văn nghệ sĩ miền Nam người thì đã vượt biên, người bị cầm tù. Một trong số những người ở lại mà không phải chịu cảnh tù tội là nhà thơ Bùi Giáng. Ông không bị bắt vì là người mang bệnh tâm thần. Nghe kể một hôm ông ghé trụ sở Hội Nhà văn ở Sài Gòn chơi. Lúc bấy giờ nhà thơ *Thu Bồn*, một ủy viên ban chấp hành Hội Nhà Văn, đang đứng trò chuyện với *nữ sĩ Thu Ba*, trông thấy ông bèn gọi lại bảo rằng:
- Nghe đồn ông có tài xuất khẩu thành thơ, làm một bài cho anh em nghe chơi.
Bùi Giáng gãi tai trả lời:
- Lâu quá tui không có làm thơ, quên mất cả rồi.
Thu Ba năn nỉ:
- Làm đại một câu lưu niệm đi mà. Bấy lâu chỉ kiến văn kỳ thanh hôm nay mới kiến diện kỳ hình ông đó.
Bùi Giáng cười móm mém:
- Nhưng tui làm dở, đùng có cười tui nghe!
Thu Bồn giục:
- Thôi mà đừng khiêm tốn nữa, không ai cười đâu.
Bùi Giáng tằng hắng một tiếng rồi đọc:
Thu Ba khen ngợi Thu Bồn

Thu Bồn cảm động sờ vai (1) Thu Ba

(1) "vai" đây hiểu theo Bùi Tồn Lưu thi sĩ là…"vú"

Thu Ba đỏ mặt hứ lên một tiếng.
Bùi Giáng lại móm mém cười một cách ngây thơ rồi cũng quay đi

Cái say

Nguyễn Tuân thường say nhưng có điều thật lạ là ông đã làm một bài hát *ả đào nói* về *cái say* của mình - *cả mưỡu và hát nói* - vào năm 1931 mà ít người được biết:
Hạnh Hoa thôn đã đây rồi,
Chơi đi cho thỏa một đời thông minh.
Nợ men gấp mấy nợ tình,
Cõi trần ướm hỏi Lưu Linh mấy chàng

174 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Phóng sự và tuỳ bút

Thể tùy bút không phải chỉ mới xuất hiện gần đây trong văn học. Từ hậu bán thế kỷ thứ 18, *Vũ Trung Tùy Bút* của Phạm Đình Hổ được coi là tác phẩm đầu tiên viết dưới dạng tùy bút. Đầu thế kỷ thứ 20, vào những năm 1916, 1917 Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu viết nhiều bài phiếm có tính cách bút ký trên tờ Đông Dương Tạp Chí của Nguyễn Văn Vĩnh. Sau đó, thập niên 1930, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc cũng viết theo lối của Tản Đà nhưng sâu sắc hơn trên tờ Đông Tây của Hoàng Tích Chu, nhưng những bài văn của Tản Đà và Lãng Nhân không được coi là tùy bút.

Phải chờ tới 1939, khi những bài viết của *Nguyễn Tuân* với giọng khinh bạc xuất hiện từ số đầu trên *tạp chí văn học Tao Đàn* của nhà Tân Dân thì thể tùy bút mới thực sự chính thức trở thành loại văn riêng biệt trong văn học nước ta. Sau họ Nguyễn một thời gian khá dài, trước 1975, người đọc ở miền Nam VN mới có dịp được thưởng thức văn tùy bút của Võ Phiến, Mai Thảo...

Văn tuỳ bút có những biến thái, lúc nhẹ nhàng vắn tắt, lúc quanh co dài dòng phô diễn tư tưởng phức tạp bằng một thứ ngôn ngữ độc đáo, mới lạ, nhưng mỗi tác giả mang một phong cách riêng biệt, nhân cách từng người rất rõ nét. Cũng vì vậy, tuỳ bút không thể đọc nhanh như các loại văn khác, không những *cần chậm rãi, thảnh thơi như thú uống trà trong sương sớm* hay nhàn tản, từ tốn như…*ăn một bát phở*.

(*) xem "Phở" của Nguyễn Tuân ở dưới.

(Trần Bích San *)

* Tên thật Trần Gia Thái, sinh ngày 31 tháng 8, 1940.
Sinh quán: Mỹ Lộc, Nam Định.
Tác phẩm: Văn khảo (2000) - Giai thoại văn chương (2006)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Đi đâu cho thiếp theo cùng
No thì thiếp ở, lạnh lùng thiếp đi

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Nguyễn Tuân

Nhưng khổ nỗi 'cái nết đánh chết không chừa", trở về Hà Nội sau năm 1954 có rượu tây, có ánh đèn xanh đỏ, có dáng "kiều thơm"…; bệnh "ngông" trong bác Nguyễn tái phát. Vậy ông đã "ngông" như thế nào?

Trong khi cả thiên hạ đang phải gân cổ ca bài "chống chủ nghĩa cá nhân", làm việc quên mình vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, năm 1957, bác Nguyễn lại chơi ngông, nhâm nhi, tỉ mẩn luôn một bài… "Phở".
"Thật ra ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng *cái tâm hồn của phở*…"

Than ôi, cái "ngông của bác Nguyễn cũng mới ở mức độ vuốt ve con tì con vị, chứ chưa dám "ngông" thở than oán trách gì chế độ, ấy thế mà cũng đã bị ông trùm phê bình mác xít Như Phong choang cho một chuỳ trên báo Nhân Dân:

(Nguyễn Tuân - tranh Choe Nguyễn Hải Chí)

"Ở Nguyễn Tuân, ưa phân tích cầu kỳ các cảm giác như vậy không phải chỉ là một phong cách văn chương mà còn là *một lối sống ưu du, hưởng thụ* mà Nguyễn Tuân muốn truyền bá. Có đặt cả quá trình sáng tác của Nguyễn Tuân, mới thấy bài "Phở" hãy còn mang nhiều dấu vết của khuynh hướng *nhảm* đó…".

Khổ nỗi, nhâm nhi con tì con vị là… nghề của chàng. Thôi thì không cho "nhâm nhi" miếng ăn, miếng uống thì ta "xơi" cảnh vật vậy, so với thiên hạ đang phải nhai "con người mới xã hội chủ nghĩa" thì chàng vẫn còn… ngông chán. Tuy không có di cảo "tái nhận thức" như Nguyễn Khải, Chế Lan Viên. Những năm cuối đời, ông không còn viết những trang "hùng tráng" như "Hà nội ta đánh Mỹ giỏi" nữa. Nhìn rõ những bước lận đận của Nguyễn Tuân, nhà thơ Xuân Sách đã làm thơ chân dung ông:
"*Vang bóng một thời* đâu dễ quên,
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên
Chén rượu *Tình rừng* cay đắng lắm
Tờ Hoa lại trút lệ ưu phiền".

(Nhật Tuấn)

Đường văn ngõ chữ

Cây táo ông Lành

Chàng Hoàng Cát, một "tình trai" của Xuân Diệu, khi lên đường vào B được Xuân Diệu tặng thơ với lời yêu đương thống thiết:
Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa!
Nhưng bóng em đi đã khuất rồi
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!
Tình ta như mối dây muôn dặm
Buộc mãi đôi thân, dẫu cách vời…

Ấy thế mà khi Cát trở về Hà Nội viết "Cây táo ông Lành" đăng báo Văn Nghệ bị đòn hội chợ, Xuân

Diệu đã làm mặt ngó lơ.

(Chân dung hay chân tướng nhà văn? – Nhật Tuấn)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cầy vợ cấy con trâu…đi nằm

Chân dung hay chân tướng nhà văn?

Trần Dần, Thanh Tịnh

Nếu nhà thơ Xuân Sách còn sống, tôi sẽ hỏi sao trong nhóm các nhà văn Nhân văn Giai phẩm ông "vẽ chân dung" Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán mà không vẽ Lê Đạt, vốn ăn đòn với "Bài thơ ghế đá" "đem bục công an đặt giữa tim người ", và Phùng Cung, người viết phản kháng mạnh nhất trong cả nhóm. Xuân Sách đã "quên" Lê Đạt và Phùng Cung chỉ nhất mực đề cao hết cỡ "thủ lĩnh trong bóng tối ", nói theo Phạm Thị Hoài: *nhà văn , nhà thơ Trần Dần*.

Sau khi nhà thơ Xuân Sách đã quá cố nên thơ chân dung ngày ấy viết về Trần Dần chỉ nhắc tới tên những tác phẩm vốn đã quảng bá trong công chúng:
"Người người lớp lớp
xông ra trận
Cờ đỏ
mưa sa
(…)
Lô cốt mấy tầng
đè nát vai
Dẫu sông núi cỏ cây làm chứng
Hồn vẫn treo trên
Vọng hải đài."

Mới đây, không hiểu sao vào lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Thanh Tịnh (12-12-1911/12-12-2011) nhiều người viết về ông, kể cả ông chủ tịch Hội nhà văn Hữu Thỉnh đọc diễn văn khai mạc cũng không ai nhắc tới đoạn văn bất hủ "*Tôi đi học*" của ông. Họ chỉ nhắc tới hơn chục năm kháng chiến, làm người lính khi ở Việt Bắc, khi vào Khu Bốn. Ông là một sáng lập viên Hội Nhà văn Việt Nam, đại tá quân đội trước khi nghỉ hưu.

Ngay trong thơ "chân dung", Xuân Sách cũng không điểm "Tôi đi học" vốn là tác phẩm nhớ đời của Thanh Tịnh, ông chỉ cảm thương nhà văn tâm huyết nhưng cuối đời cô đơn, nghèo nàn và nhận ra đã "lạc đường" :
Bao năm ngậm ngải tìm trầm
Giã từ quê mẹ xa dòng Hương giang
Bạc đầu mới biết lạc đường
Tay không nay lại vẫn hoàn tay không
Mộng làm giọt nước ôm sông
Ôm sông chẳng được, tơ lòng gió bay.

(Nhật Tuấn)

Nói lái trong văn học

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca…Trong thơ ca thì nói lái không thiếu. Tác giả đầu tiên phải nhắc đến tất nhiên là bà chúa thơ Nôm
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn lèo
(Kiếp tu hành)

(Thân Trọng Sơn)

Rượu trong văn học

Nói đến rượu mà quên đề cập đến Phạm Thái kể như là một thiếu sót đáng kể. Phạm Thái hiệu là Đan Phượng, thường gọi là *Chiêu Lỳ,* người mà Khái Hưng cảm khái viết ra truyện "Tiêu Sơn tráng sĩ", một trang anh hùng có thể chết vì ánh mắt giai nhân Trương Quỳnh Như. Khi nhà Tây Sơn ra đánh Bắc Hà, Phạm Thái bỏ đi tu, lấy hiệu là *Phổ Chiêu thiền sư.* Phạm Thái sinh thời, rất thích rượu và sính thơ lại có tính ngông:
Một tập thơ sầu ngâm đã chán
Vài be rượu nhạt uống ra gì
Thôi về tiên phật cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian sống mãi chi?
(Cảm thán)

Nhưng bài sau đây có lẽ biểu lộ tính ngông trần đời của Chiêu Lỳ hơn hết:
Sống ở trần gian đánh chén nhè
Chết về âm phủ cắp kè kè
Diêm vương phán hỏi mang gì đó:
Be

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

Văn hoá nhậu
Gặm xương

Cái thú thứ nhất về khẩu vị trong việc gặm xương là hưởng được những bất ngờ. Dĩ nhiên cục xương phải là loại xương có thịt như giò heo, đuôi bò, hoặc xí quách.
Xương còn dính thịt cho ta bất ngờ là lúc đang *gặm tí thịt còn lắt léo trong góc kẹt của cục xương* thì bỗng *sựt một cái, ta cắn được một miếng gân* hoặc *một miếng sụn dòn.*

Khoái hơn nữa là *gặm cái sụn giòn tan nằm cuối xương ống chân gà,* nhất là gà…đi bộ. Những khi ăn đám ăn tiệc, ta buộc lòng phải bỏ mấy cái xương gà loại này, tuy lòng tiếc hùi hụi. Hưởng được những bất ngờ đó khoan khoái như "tha hương ngộ cố tri" hoặc "nắng hạn gặp mưa rào.". Ta nhai nhai một tí, rồi tợp một tợp hoặc tu một tu. *Sướng kể gì. Quá đã.*

(Ngã thuật nhi bất tác - KT)

Qua với bậu

Từ điển Lê Ngọc Trụ để tìm về nguồn gốc của chữ *qua* và *bậu* và cho rằng cách lý giải của Lê Ngọc Trụ là dễ hiểu hơn hết .
Theo đó, xin trích :

- *Qua* là cách phát âm của người Triều Châu của chữ *"ngã"* mà âm đọc phổ thông là "wǒ". Người Triều Châu đọc chữ này là *"wá".* Người ta giải thích thêm là khi xưa, ở miền Nam, nhất là khu vực Bạc Liêu, người Triều Châu di dân đến sanh sống rất đông. Cái tên Bạc Liêu cũng được cho là từ gốc Triều Châu mà ra.

Tuy Từ điển Lê Ngọc Trụ không giải thích chữ "*bậu*" nhưng nếu "*qua*" là gốc Triều Châu thì cũng có thể suy ra "*bậu*" cũng từ gốc ấy mà ra. Người Triều Châu gọi vợ hay em bằng "*pau*", *"bấu"* tùy theo từng vùng.

(Nguyễn thị Cỏ May)

Tổ tôm

Làm trai biết đánh Tổ Tôm
Uống chè Mạn Hảo, đọc nôm Thúy Kiều

Ca dao xưa vậy mà thâm thúy, tưởng bình dân nhưng thú thật không phải lúc nào cũng dễ hiểu hay hiểu cho đầy đủ ý nghĩa. Trà Mạn Hảo từng là một danh trà thất truyền được giới quan lại và sĩ phu Bắc Hà thuở xưa thích uống trà ưa chuộng, bây giờ dường như không còn. Có chăng người ta gọi chè Mạn là một loại trà khác của người dân vùng núi Tây Bắc, trồng và pha tẩm theo công phu và cách riêng của họ.
Còn truyện Kiều chữ Nôm là nguyên tác của Nguyễn Du, in khắc từ thời vua Tự Đức, những người đi học mới đọc được vô số tác phẩm xưa được viết bằng chữ Nôm. Từ thơ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan cho đến các tác phẩm như Chinh Phụ Ngâm (diễn Nôm), Cung Oán Ngâm Khúc hay Lục Vân Tiên.

(Những quân bài ngày Tết - Đinh Yên Thảo)

Nhớ Sài Gòn, chốn cũ đường xưa
Tân Định & Đa Kao những ngày xưa cũ

Đi tiếp khoảng hai trăm thước sẽ gặp một ngã tư. Đường *Bà Lê Chân* bên tay phải. Ngay góc đường là quán cơm tấm của vợ chồng con trai nghệ sĩ Bảy Nhiêu. Đối diện là *đình Phú Hoà*, nơi các đoàn hát bộ và cải lương tập dượt. Trước mặt là đường Mã Lộ. Con đường này chạy ngang phía sau chợ Tân Định. Phía đầu đường Bà Lê Chân là ngã ba Hai Bà Trưng và Bà Lê Chân.

Bà Lê Chân-Hai Bà Trưng

Chợ Tân Định

Từ đình Phú Hoà nhìn sang đường là đường *Trần Nhật Duật* có bốn con đường nhỏ đâm ngang qua. Thứ tự *Đặng Dung, Đặng Tất, Trần Quí Khoách và Trần Khánh Dư.*
Riêng hai đường Đặng Dung và Trần Khánh Dư thì chạy dài được đến đường *Trần Khắc Chân*, còn gọi là *xóm Cầu Mới*. Trên đường Trần Nhật Duật, hẻm số 21 có tiệm ảnh Nguyễn Kỳ nổi tiếng một thời trong giới học sinh, thích chụp hình chân dung, nhà số 10 là trường Huỳnh Thị Ngà.

(Trần Đình Phước)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tận thu lòng dạ thế gian

Một dịp năm mới, vua Lê Thánh Tông (1442-1497) ăn mặc giả làm thường dân ra phố chơi để xem xét tình hình dân chúng. Đi tới đâu nhà vua cũng thấy la liệt những câu đối ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị . Riêng nhà nọ, chẳng treo đèn, kết hoa mà cũng chẳng đối liễn gì hết. Vua ghé vào hỏi, chủ nhà trả lời rằng :
- Chả nói giấu gì bác, nhà cháu làm cái nghề hèn hạ quá, nên chẳng dám phô phang gì với ai cho thêm tủi!
Vua ngạc nhiên hỏi :
- Sao lại có nghề gì là nghề hèn hạ ?
- Dạ, nhà cháu chỉ chuyên đi *hót phân* người để bán thôi ạ.

Nghe xong, vua cười nói :
- Nếu vậy, nhà bác đây là sang trọng bậc nhất, mà nghề của bác cũng vẻ vang bậc nhất. Câu đối của bác nếu dán lên cũng hay bậc nhất, việc gì mà lại kêu là hèn.
Rồi vua gọi lấy giấy bút, đề giùm cho một đôi câu đối như sau:
Ý nhất nhung y, năng đảm thế gian nan sự
Đề tam xích kiếm, tận thu thiên hạ nhân tâm
Nghĩa là :
Khoác một áo bào, đảm đang khó khăn thiên hạ
Cầm ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian

(*) theo dân gian truyền khẩu tích này ở làng tên Nôm là Kẻ Noi,
tên "tự" là Cổ Nhuế với nghề hốt phân, đổ xe thùng tở Hà Nội.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

ám ảnh

Theo soạn giả, từ ám ảnh có hai nghĩa: a) lởn vởn luôn trong trí óc, khiến cho phải lo lắng không yên; b) *quấy rầy ở bên cạnh*. Chúng ta chỉ có thể chấp nhận nghĩa thứ nhất nhưng *khó chấp nhận nghĩa thứ hai*. Tuy ám ảnh là một từ gốc Hán, nhưng nó đã được "Việt hoá" nên mới mang *nghĩa thứ nhất* như vừa nêu.

Cứ cắt nghĩa theo các từ tố thì *"ám" nghĩa là mờ tối*, "ảnh" nghĩa là cái bóng, và "ám ảnh" nghĩa là *cái bóng mờ*. Quả thật, đó là nghĩa của từ này trong trong tiếng Hán từ xưa đến nay. Soạn giả không nhận ra rằng, đây là một từ gốc Hán đã bị thay đổi nghĩa, nghĩa là nó đã bị "Việt hoá". Ngoài ra, ông còn gán cho nó một nghĩa mà người đọc khó chấp nhận là…*quấy rầy ở bên cạnh*.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)